



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02936

Trang 1/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 21

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08145109	TRẦN GIANG	TRƯỜNG	DH08BV	<i>[Signature]</i>				5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	08117073	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	DH08CT						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	08117078	TRẦN THỊ	HƯƠNG	DH08CT	<i>[Signature]</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	09113015	PHẠM THỊ THÙY	DƯƠNG	DH09NH	<i>[Signature]</i>				8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	09113025	PHẠM THỊ KIM	GIÀU	DH09NH	<i>[Signature]</i>				4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10113061	NGUYỄN MANH	HÙNG	DH10NH	<i>[Signature]</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10113219	TRẦN QUỐC	THẮNG	DH10NH	<i>[Signature]</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11113257	TRƯƠNG QUANG	ÁI	DH11NH					7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11113256	NGUYỄN VĂN	AN	DH11NH					7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11113258	NGUYỄN THỊ KIM	ÁNH	DH11NH					8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11113260	TRẦN THỊ	CHUNG	DH11NH					7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11113320	DANH	ĐẠI	DH11NH					7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11113265	NGUYỄN THỊ THÙY	DUYÊN	DH11NH					7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11113084	NGUYỄN HUỖNH NHẬT	DƯƠNG	DH11NH					8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11113249	LÊ THỊ	ĐÀO	DH11NH					7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11113086	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	DH11NH					7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11113321	LƯU THANH	ĐOÀN	DH11NH					7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11113089	ĐINH QUANG	ĐỒNG	DH11NH					7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]
Nguyễn Hữu Trí

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 21

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11113090	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	DH11NH						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11113097	TRẦN VĂN HÀ	DH11NH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11113267	LÊ HỒNG HẢI	DH11NH						7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11113096	NGUYỄN VĂN HẢI	DH11NH						6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11113098	HOÀNG THỊ HẠNH	DH11NH						8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11113099	HUỲNH THỊ MỸ HẠNH	DH11NH						6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11113100	NGUYỄN MINH HẠNH	DH11NH		<i>Minh</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11113101	PHAN HOÀI HẬN	DH11NH						8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11113102	NGUYỄN HỒNG HẬU	DH11NH						6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11113107	NGUYỄN LONG HỒ	DH11NH						6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11113108	PHAN THỊ HỒNG	DH11NH						5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11113109	VŨ ĐÌNH HUẤN	DH11NH						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11113250	VŨ THỊ HUẾ	DH11NH						6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11113111	TỬ KIỀU VŨ ĐÌNH HUY	DH11NH						8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11113112	ĐÀO THỊ HUYỀN	DH11NH		<i>Huyền</i>				7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11113115	BÙI PHƯỚC HƯNG	DH11NH						9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11113116	DƯƠNG THỊ HƯƠNG	DH11NH						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11113271	ĐÌNH THỊ THU HƯƠNG	DH11NH						7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thông
T.S. LÊ NGỌC THÔNG

Thông Trần Thị Thanh Hằng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 21

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11113117	MÔNG THI HƯƠNG	DH11NH						8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11113118	ĐÀM THI HƯƠNG	DH11NH						7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11113120	TRẦN THỊ MỘNG KHA	DH11NH						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11113123	TRƯƠNG CÔNG LAM	DH11NH						7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11113124	ĐẶNG TÙNG LÂM	DH11NH						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11113125	ĐỖ THANH LÂM	DH11NH						7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11113126	NGUYỄN CÔNG LÂM	DH11NH						7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11113127	NGUYỄN NGỌC LIÊM	DH11NH						8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11113128	LÊ NGỌC LINH	DH11NH						5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11113132	TRẦN THỊ LINH	DH11NH						8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11113133	TRẦN KHẮC LĨNH	DH11NH						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11113134	NGUYỄN THỊ THÙY LOAN	DH11NH						7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11113252	ÔN THỊ HUYỀN LOAN	DH11NH						5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11113135	HUỶNH HỮU LỘC	DH11NH						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11113273	QUÁCH THÀNH LỢI	DH11NH						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11113136	CAO THỊ NGỌC LƯỢNG	DH11NH						7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11113137	VÕ THỊ LÝ	DH11NH						8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11113139	NGUYỄN THỊ TRÚC MAI	DH11NH						8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

TH.S. TRẦN THANH HƯƠNG

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 21

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	11113274	BÙI XUÂN MẠNH	DH11NH						7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11113140	PHẠM NGUYỄN MẠNH	DH11NH						8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11113276	LÊ THỊ MẾN	DH11NH						8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	11113142	BÙI HOÀNG ANH MINH	DH11NH		75				6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11113144	NGUYỄN QUANG MINH	DH11NH		m				8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	11113147	LÊ HOÀI NAM	DH11NH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	11113148	TRẦN TRUNG NAM	DH11NH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11113277	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	DH11NH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	11113150	NGUYỄN THỊ BÍCH NGHĨA	DH11NH						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	11113152	VÕ KHÔI NGUYỄN	DH11NH		K				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	11113153	TRẦN THỊ ÁNH NGUYỆT	DH11NH		H				8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	11113154	TRẦN VĂN NHẬT	DH11NH		Ch				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	11113155	ĐẶNG THỊ NGỌC NHI	DH11NH		Ngoc N				5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	11113156	LÊ THỊ YẾN NHI	DH11NH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	11113158	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	DH11NH		N				6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	11113159	TRẦN QUỲNH NHƯ	DH11NH		Quỳnh				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	11113163	LÊ DUY PHÚ	DH11NH		D				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	11113164	TRẦN VĂN PHÚ	DH11NH		T				6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 9 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TR. S. LÊ NGỌC THÔNG

Phụ trách chấm thi
Nguyễn Văn Đức



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 21

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	11113169	VŨ HỮU PHƯỚC	DH11NH		<i>[Signature]</i>				8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	11113166	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	DH11NH		<i>[Signature]</i>				6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	11113167	NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯƠNG	DH11NH		<i>[Signature]</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	11113173	VŨ TÔN QUYÊN	DH11NH		<i>[Signature]</i>				4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	11113174	TÔ VĂN QUYẾT	DH11NH		<i>[Signature]</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	11113179	ĐINH PHÚC SANG	DH11NH		<i>[Signature]</i>				8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	11113182	NGUYỄN NGỌC HOÀNG SƠN	DH11NH		<i>[Signature]</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	11113283	BÙI THANH TÂM	DH11NH		<i>[Signature]</i>				8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
81	11113253	NGUYỄN THANH TÂM	DH11NH		<i>[Signature]</i>				9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
82	11113194	NGUYỄN HOÀNG THÁI	DH11NH		<i>[Signature]</i>				7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
83	11113322	TRẦN QUỐC THÁI	DH11NH		<i>[Signature]</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
84	11113188	ĐẶNG VŨ HÀ THANH	DH11NH		<i>[Signature]</i>				6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
85	11113191	ĐẶNG ĐẠT THÀNH	DH11NH		<i>[Signature]</i>				8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
86	11113254	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THẢO	DH11NH		<i>[Signature]</i>				8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
87	11113285	PHAN TRƯỜNG THẮNG	DH11NH		<i>[Signature]</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
88	11113197	NGUYỄN VĂN THẾ	DH11NH		<i>[Signature]</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
89	11113198	NGÔ TƯỜNG THIÊN	DH11NH		<i>[Signature]</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
90	11113286	NGUYỄN TẤN THỊNH	DH11NH		<i>[Signature]</i>				5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]
Th.S. Nguyễn Thị Tiên



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02936

Trang 6/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 21

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
91	11113199	PHẠM HOÀNG ĐỨC	THỊNH	DH11NH	<i>[Signature]</i>				6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
92	11113200	VÕ DUY	THỊNH	DH11NH					8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
93	11113287	PHẠM NGỌC	THÔNG	DH11NH	<i>[Signature]</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
94	11113323	NGUYỄN VIỆT	THỐNG	DH11NH						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
95	11113288	ĐỖ THỊ	THƠM	DH11NH	<i>[Signature]</i>				5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
96	11113202	ĐỖ THỊ	THU	DH11NH	<i>[Signature]</i>				8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
97	11113289	DƯƠNG VĂN	THUẬN	DH11NH						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
98	11113205	NGUYỄN THỊ VŨ	THÚY	DH11NH	<i>[Signature]</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
99	11113290	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	DH11NH	<i>[Signature]</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
100	11113291	NGUYỄN TRẦN THỦY	TIỆN	DH11NH	<i>[Signature]</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
101	11113208	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	DH11NH	<i>[Signature]</i>				8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
102	11113209	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	DH11NH	<i>[Signature]</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
103	11113210	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	DH11NH	<i>[Signature]</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
104	11113219	VÕ CAO	TRÍ	DH11NH	<i>[Signature]</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
105	11113214	HUỖNH VŨ TUẤN	TRIỆU	DH11NH	<i>[Signature]</i>				8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
106	11113215	HUỖNH THỊ LỆ	TRINH	DH11NH	<i>[Signature]</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
107	11113216	TRẦN THỊ BẢO	TRINH	DH11NH	<i>[Signature]</i>				5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
108	11113220	NGUYỄN NGỌC	TRỌN	DH11NH	<i>[Signature]</i>				6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 19 tháng 1 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]
Nguyễn Văn Hữu Tài

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 21

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
09	11113221	ĐÀO VĂN TRỌNG	DH11NH		<i>Tr</i>				8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11113222	DƯƠNG KIM TRUNG	DH11NH		<i>Kim</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11113224	NGUYỄN THÀNH TRUNG	DH11NH		<i>Trung</i>				5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11113225	TRẦN MINH TRUNG	DH11NH		<i>Tr</i>				3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11113228	NGUYỄN TRUNG TRỰC	DH11NH		<i>Tr</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11113227	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	DH11NH		<i>Xuân</i>				5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11113238	HUỖNH NGUYỄN CÁT TƯỜNG	DH11NH		<i>Cát</i>				7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11113295	HUỖNH THỊ HỒNG VÂN	DH11NH		<i>Vân</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11113239	NGUYỄN THỊ VÂN	DH11NH		<i>Vân</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11113241	NGUYỄN THỊ THÚY VÂN	DH11NH		<i>Th</i>				6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	11113255	HỒ THỊ YẾN VI	DH11NH		<i>Y</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11113243	NGUYỄN QUANG VINH	DH11NH		<i>Qu</i>				8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11113246	NGUYỄN THANH VŨ	DH11NH		<i>Th</i>				8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11113297	NINH QUỐC VƯƠNG	DH11NH		<i>Qu</i>				8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11113247	ĐẶNG ĐỨC XUÂN	DH11NH		<i>Xuân</i>				8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11113298	ĐẶNG THỊ XUÂN	DH11NH		<i>Xuân</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11113248	LÊ THỊ HOÀNG YÊN	DH11NH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11113353	XAYASING LATTANA	DH11NH		<i>L</i>				4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Th
TR. S. LÊ NGỌC THÔNG

Th
Nguyễn Thị Yến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 32

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11157049	TRẦN VŨ TỐ NHƯ	DH11DL						8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11157418	TRẦN THỊ KIM	DH11DL		<i>Kim</i>				8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11157237	PHẠM THỊ NGỌC	DH11DL						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11157239	NGUYỄN THỊ KIỀU	DH11DL						8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11157419	PHẠM THỊ MỸ	DH11DL		<i>Mỹ</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11157242	TRẦN NGỌC	DH11DL		<i>Ngọc</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11157024	ĐÌNH VĂN	DH11DL		<i>Phong</i>				2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11157420	VŨ NGỌC	DH11DL		<i>Ngọc</i>				6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11157249	DƯƠNG THỊ	DH11DL		<i>Phong</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11157025	LÊ THỊ	DH11DL		<i>Phong</i>				8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11157026	NGUYỄN THẢO	DH11DL						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11157050	PHẠM NGUYỆT	DH11DL		<i>Phong</i>				5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11157378	TRẦN THỊ NGỌC	DH11DL						8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11157256	NGUYỄN THỊ HỒNG	DH11DL		<i>Phong</i>				6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11157379	NGUYỄN VIỆT	DH11DL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11157059	LÊ THỊ	DH11DL						8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11157261	PHẠM THỊ	DH11DL		<i>Phong</i>				9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11157260	TRỊNH THỊ LỆ	DH11DL		<i>Phong</i>				6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thông
Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Phạm Trần Thị Thanh Hằng
Phạm Nguyễn Thị Mai

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 32

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11157058	HỒ THỊ NHƯ	QUỲNH	DH11DL					9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11157423	HỒ THỊ XUÂN	QUỲNH	DH11DL					5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11157425	NGUYỄN THỊ TUYẾT	SEN	DH11DL					4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11157265	LÊ TRẦN NAM	SƠN	DH11DL					7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11157267	VÕ NGỌC	SƠN	DH11DL					7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11157268	HUỲNH VĂN	TÀI	DH11DL					5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11157269	NGUYỄN VĂN TẤN	TÀI	DH11DL					7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11157271	LƯƠNG THÀNH	TÂM	DH11DL					7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11157028	NGUYỄN THÀNH	TÂM	DH11DL					7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11157380	PHẠM MINH	TÂM	DH11DL					4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11157272	NGUYỄN VIỆT	TÂN	DH11DL						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11157273	PHẠM NGỌC	THANH	DH11DL					9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11157274	TRẦN NGỌC	THANH	DH11DL					8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11157278	ĐÌNH ĐỨC	THẢO	DH11DL					8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11157280	HỒ PHƯƠNG	THẢO	DH11DL						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11157281	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH11DL					6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11157283	VŨ THỊ THANH	THẢO	DH11DL					5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11157428	TRẦN HOÀI	THĂNG	DH11DL					8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Lê Ngọc Thông
Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Phạm Thị Thanh Hương

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 32

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tờ đặm vòng tròn cho điểm nguyên	Tờ đặm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11157287	NGUYỄN MINH THI	DH11DL						6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11157289	TÔ HỮU THIÊN	DH11DL		Thiên				8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11157290	NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH	DH11DL						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11157061	LÊ THỊ THỜI	DH11DL		Thời				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11157030	HÀ THỊ THOM	DH11DL		Thom				8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11157031	TĂNG LÊ THUẬN	DH11DL		Thuận				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11157294	NGUYỄN MINH THUẬN	DH11DL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11157295	NGUYỄN CẨM THUY	DH11DL		Thuy				8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11157062	TRƯƠNG THỊ THANH THÙY	DH11DL						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11157034	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	DH11DL						6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11157431	NGUYỄN KIM THƯ	DH11DL						9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11157432	VĂN THỊ MINH THƯ	DH11DL		Thu				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11157302	NGUYỄN NĂNG HOÀNG THƯƠNG	DH11DL						7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11157303	BÙI THỊ THƯỜNG	DH11DL						7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11157304	NGUYỄN THỊ YẾN THY	DH11DL						9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11157434	LÊ THỊ KIỀU TIÊN	DH11DL						6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11157035	LÊ THỊ THÙY TIÊN	DH11DL		Thuy				5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11157435	LÊ ĐÌNH TIẾN	DH11DL		Tien				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thue
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Thue gần T. Thanh Hiệp



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 32

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	11157309	NGUYỄN VĂN TÌNH	DH11DL						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....: Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02949

Trang 1/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 34

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11148105	NGUYỄN PHẠM NGUYỄN HẠNG	DH11DD						7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11148107	LÊ CÔNG HẬU	DH11DD						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11148110	LÊ THỊ THU HIỀN	DH11DD						4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11148111	NGUYỄN THỊ HIỀN	DH11DD						6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11148116	HỒ THANH HÒA	DH11DD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11148118	DƯƠNG VĂN HUẤN	DH11DD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11148119	LÊ KHẮC HUY	DH11DD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11148121	VÔ THỊ HUYỀN	DH11DD						8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11148124	PHẠM NGUYỄN QUỲNH	DH11DD						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11148125	TRẦN THỊ HƯƠNG	DH11DD						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11148135	CAO THỊ THÙY LINH	DH11DD						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11148139	TRẦN THỊ THÙY LINH	DH11DD						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11148142	TRƯƠNG HUỲNH KIỀU	DH11DD						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11148143	HỒ PHI LONG	DH11DD						7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11148144	VÕ THANH LỘC	DH11DD						7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11148148	NGUYỄN THỊ LUYẾN	DH11DD						8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11148150	NGUYỄN CHÍ MÃI	DH11DD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11148151	NGUYỄN THỊ DIỆM	DH11DD						9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 10 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thư
Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Thư
Lê Ngọc Thông

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 34

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11148152	NGUYỄN TRẦN HOÀNG MY	DH11DD						8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11148153	TRẦN NGUYỄN TUYẾT	DH11DD						5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11148154	CHU NGOC	DH11DD						4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11148157	ĐẶNG CHÂU THÁI	DH11DD						8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11148158	NGUYỄN THU	DH11DD						6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11148161	NAY MINH	DH11DD						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11148169	LÊ THỊ THẢO	DH11DD						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11148173	PHẠM HUỲNH NGỌC	DH11DD						6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11148177	HOÀNG THỊ	DH11DD						7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11148178	LÊ THỊ HÀ	DH11DD						7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11148179	NGUYỄN THỊ	DH11DD						5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11148180	NGUYỄN THỊ KIM	DH11DD						6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11148182	BÙI VĂN	DH11DD						4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11148191	LÊ THỊ HỒNG	DH11DD						4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11148187	BÙI THỊ THANH	DH11DD						5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11148189	LÊ THU	DH11DD						6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11148192	NGUYỄN ĐÌNH	DH11DD						3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11148196	THÁI HOÀNG	DH11DD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 10 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Phạm Thị Thanh Hương

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 34

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11148198	PHẠM MINH QUYẾT	DH11DD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11148199	LÊ THỊ QUỲNH	DH11DD						5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11148200	NGUYỄN THỊ NGỌC QUỲNH	DH11DD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11148133	ĐẶNG THỊ KIM LIÊN	DH11TP							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 10 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Lê Ngọc Thông
Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Huỳnh Trần Thị Thanh Hương



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02935

Trang 1/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 20

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09158043	LÊ THỊ KIM	NGÂN		<i>[Signature]</i>				6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10131075	TRẦN LÊ ĐỨC	TƯỜNG							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10149218	THÁI THỊ DIỆU	TRÂM		<i>[Signature]</i>				5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11113001	HOÀNG THỊ NGỌC	ANH						7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11113002	NGUYỄN AN	BÌNH						7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11113066	NGUYỄN THÀNH	CÔNG						7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11113069	HỖ MINH	CƯỜNG						6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11113073	NGUYỄN THỊ THÚY	DIỆM						7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11113075	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11113005	HUỖNH ANH	DUY						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11113076	LÊ KHÁNH	DUY						7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11113079	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	DUY		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11113006	TRẦN NGỌC	DUY						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11113082	VÕ TRẦN ĐÌNH	DUY						7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11113083	NGUYỄN HOÀNG THẢO	DƯƠNG						7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11113008	DƯƠNG VĂN	ĐÌNH						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11113009	LÊ TRƯỜNG	GIANG						7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11113011	PHẠM VŨ KHÁNH	HÀ						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]
[Signature]



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02935

Trang 2/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 20

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11113012	NGUYỄN HẢO HIỆP	DH11NH						7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11113013	BÙI QUỐC HÒA	DH11NH						6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11113014	ĐÀO THỊ NGỌC HUYỀN	DH11NH						5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11113016	ĐÀO TRỌNG KHÔI	DH11NH						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11113017	TRẦN THỊ DIỆM LAN	DH11NH						7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11113018	TRẦN THỊ LINH	DH11NH						7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11113019	VŨ THỊ LOAN	DH11NH						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11113020	TRẦN DIỆM MI	DH11NH						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11113021	HUYỀN THỊ PHÚC NGUYỄN	DH11NH						8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11113022	NGUYỄN THÁI NGŨ	DH11NH		<i>ll</i>				8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11113023	NGUYỄN THỊ UYÊN	DH11NH						8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11113048	HUYỀN THỊ MỸ NƯƠNG	DH11NH		<i>Thuy</i>				7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11113024	DƯƠNG TRỊNH PHI	DH11NH		<i>ll</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11113025	PHẠM VĂN PHONG	DH11NH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11113026	NGUYỄN VĂN PHÚC	DH11NH		<i>Van</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11113028	TRẦN HUỖNH PHƯỚC	DH11NH						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11113027	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	DH11NH		<i>Phuong</i>				6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11113049	TRỊNH NGỌC PHƯƠNG	DH11NH		<i>Phuoc</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thore
Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Phan Ng. Thu Mai
Phan Ng. Thu Mai



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02935

Trang 3/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 20

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11113029	LÊ NHẤT QUỐC	DH11NH		<i>Quoc</i>				5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11113030	TRẦN ĐÌNH QUÝ	DH11NH		<i>Quynh</i>				6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11113031	TRẦN NGỌC SON	DH11NH		<i>Son</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11113053	ĐẶNG THỊ TẤN THANH	DH11NH		<i>Thanh</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11113032	LÊ THỊ THU THẢO	DH11NH		<i>Thuha</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11113033	TRẦN THỊ NGỌC THẨM	DH11NH		<i>Thuy</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11113050	NGUYỄN VĂN THẨM	DH11NH		<i>Tham</i>				5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11113051	LÊ CÔNG MINH THI	DH11NH		<i>Thi</i>				6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11113035	LÂM VĂN THỜI	DH11NH		<i>Thoi</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11113054	LÊ THỊ THÚY	DH11NH		<i>Thuy</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11113036	NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN	DH11NH		<i>Thuy</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11113037	LƯƠNG CÔNG TOẠI	DH11NH		<i>Toai</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11113039	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	DH11NH		<i>Truc</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11113041	NGUYỄN THỊ TÚ	DH11NH						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11113052	TRƯƠNG NGỌC KIM TUYẾN	DH11NH		<i>Tuyen</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11113040	VÕ VĂN TUYẾN	DH11NH		<i>Tuyen</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11113042	VÕ HOÀNG VĨNH	DH11NH		<i>Vinh</i>				6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11113354	Keo Khour Meuang ON	DH11NH						7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 2 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

(Signature)
Th.S. NGUYỄN THỊ TRU

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 07

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10148136	LÊ ĐÌNH THIÊN LONG	DH10DD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11125147	NGUYỄN THỊ SINH DUYÊN	DH11BQ		<i>Subute</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11125137	PHẠM THỊ CẨM HỒNG	DH11BQ		<i>off</i>				6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11125151	VŨ THỊ THANH HƯƠNG	DH11BQ		<i>H</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11125138	VŨ THỊ THU HƯƠNG	DH11BQ		<i>Thuan</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11125153	HUỖNH THỊ KIM LÀNH	DH11BQ						8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11125155	ĐẶNG THỊ KHA LINH	DH11BQ		<i>Kh</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11125158	VŨ THỊ KIỀU ANH	DH11BQ							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11125159	NGUYỄN VĨ THẢO NGUYÊN	DH11BQ		<i>Ng</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11125161	NGUYỄN THỊ LỆ QUYÊN	DH11BQ		<i>Quyên</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11125142	NGUYỄN MINH TÂM	DH11BQ		<i>Minh</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11125162	HUỖNH TẤN THÀNH	DH11BQ		<i>T</i>				8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11125143	HUỖNH THANH THẢO	DH11BQ		<i>Thanh</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11125104	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	DH11BQ		<i>Thuy</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11125166	THÁI THỊ THUYỀN	DH11BQ		<i>Thuy</i>				4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11125144	MAI THIÊN THƯ	DH11BQ							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11125109	NGUYỄN QUANG TIẾN	DH11BQ		<i>Quang</i>				9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11125112	HOÀNG THỊ TỐT	DH11BQ		<i>Tot</i>				4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 9 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thong
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Phan Thanh Huyền
Nguyễn Kiều Trúc

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 07

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11125113	LÌU THỊ KIM TRANG	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11125169	TRẦN THỊ	DH11BQ						7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11125116	TRẦN THỊ THÙY	DH11BQ							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11125117	NGUYỄN VĂN TRE	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11125172	NGUYỄN THỊ TRINH	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11125120	KIM THÀNH	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11125124	ĐÌNH NGỌC	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11125122	ĐỖ THANH	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11125125	LÝ THỊ NGỌC	DH11BQ							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11125127	PHÙNG THẾ	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11125134	NGUYỄN NHƯ Ý	DH11BQ							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11125131	ĐÌNH THỊ NGỌC	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11125133	NGUYỄN THỊ THU	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 09 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
T.H.S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]
[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 10

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10171090	TRẦN THỊ THÚY LAM	DH10KS		<i>Thuy Lam</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10149018	ĐỖ THI CÚC	DH10QM		<i>Thi Cuc</i>				5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10149090	TRANG ĐĂNG NHƯ LÀNH	DH10QM		<i>Trang Lanhu</i>				5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10149138	HOÀNG THỊ NINH	DH10QM		<i>Ninh</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11131010	PHAN NGUYỄN TRƯỜNG AN	DH11CH		<i>An</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11131011	TRƯƠNG VĂN BA	DH11CH		<i>Ba</i>				6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11131016	TRẦN THỊ DUNG	DH11CH		<i>Dung</i>				5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11131070	LÊ TRỌNG ĐẠT	DH11CH		<i>Dat</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11131018	TRẦN MINH HẢI	DH11CH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11131019	NGUYỄN THỊ HẰNG	DH11CH		<i>Hung</i>				6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11131021	PHẠM THANH HIẾU	DH11CH		<i>Hieu</i>				8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11131024	PHẠM LÊ THẢO HƯƠNG	DH11CH		<i>Huong</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11131072	NGUYỄN DUY KHẢI	DH11CH		<i>Khai</i>				4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11131028	LÊ VĂN KHÁNG	DH11CH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11131025	ĐÀO TUẤN KHANH	DH11CH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11131026	LÊ KHẮC KHANH	DH11CH		<i>Khac</i>				1,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11131030	NGUYỄN DUY KHƯƠNG	DH11CH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11131031	NGÔ THỊ HOÀNG LAN	DH11CH		<i>Lan</i>				7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thong
Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Nguyen Huu Bai

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 10

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11131032	PHẠM TẤN LỘC	DH11CH		<i>Lộc</i>				5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11131034	NGUYỄN HOÀNG LUÂN	DH11CH		<i>Luân</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11131035	NGUYỄN HUY LƯỢNG	DH11CH		<i>Huy</i>				10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11131075	NGUYỄN VŨ ANH MINH	DH11CH		<i>Minh</i>				2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11131001	NGUYỄN THỊ KHÁNH MỸ	DH11CH		<i>Khánh</i>				6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11131039	HÀ PHÚ NGHĨA	DH11CH		<i>Phú</i>				4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11131040	NGUYỄN ĐÌNH NGHĨA	DH11CH		<i>Đình</i>				5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11131041	LÊ THỊ NHƯ NGỌC	DH11CH		<i>Như</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11131043	TRẦN TRỌNG NHÂN	DH11CH		<i>Nhân</i>				5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11131009	PHẠM HỮU NHON	DH11CH		<i>Hữu</i>				5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11131044	NGUYỄN KHẮC MINH NHỰT	DH11CH		<i>Minh</i>				3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11131002	NGUYỄN NHỰT PHI	DH11CH		<i>Phi</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11131045	HUỖNH THỊ ĐIỂM PHÚC	DH11CH		<i>Điểm</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11131076	LÊ ĐÌNH THẢO QUYÊN	DH11CH		<i>Thảo</i>				3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11131047	LÊ HƯƠNG NGỌC QUỲNH	DH11CH		<i>Hương</i>				6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11131050	LÊ CÔNG THÀNH	DH11CH		<i>Công</i>				5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11131052	PHẠM VĂN THÀNH	DH11CH		<i>Văn</i>				6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11131078	BÙI THỊ THU THẢO	DH11CH							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 19 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thao
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Lê Ngọc Thông
Lê Ngọc Thông

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 10

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11131053	LÊ THỊ KIM THOẠI	DH11CH		<i>[Signature]</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11131068	NGUYỄN NGUYỄN THƯƠNG THƯƠNG	DH11CH		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11131056	ĐẶNG THỊ TRANG	DH11CH		<i>[Signature]</i>				8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11131057	PHẠM THỊ THÙY TRANG	DH11CH		<i>[Signature]</i>				6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11131080	NGUYỄN VĂN TRI	DH11CH		<i>[Signature]</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11131081	NGUYỄN HẢI TRIỀU	DH11CH		<i>[Signature]</i>				6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11131062	TRẦN THỊ THANH TRÚC	DH11CH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11131003	PHẠM VĂN TÙNG	DH11CH		<i>[Signature]</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11131064	NGUYỄN THỊ BÍCH TUYỀN	DH11CH		<i>[Signature]</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11131005	NGUYỄN NGỌC THẢO UYÊN	DH11CH		<i>[Signature]</i>				4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11131066	TRẦN NGUYỄN LÊ XUÂN	DH11CH		<i>[Signature]</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11131067	NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN	DH11CH		<i>[Signature]</i>				8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 8 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]
Nguyễn Thị Hải



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02937

Trang 1/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 22

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11116001	TRẦN BẢO AN	DH11NT		<i>AN</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11116018	PHẠM THỊ BÉ	DH11NT		<i>BÉ</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11116021	NGUYỄN THÀNH CÔNG	DH11NT		<i>THÀNH</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11116022	CHỐNG MINH CƠ	DH11NT		<i>CƠ</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11116023	NGUYỄN ĐÌNH CƯƠNG	DH11NT		<i>CƯƠNG</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11116028	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	DH11NT		<i>ĐĂNG</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11116100	PHẠM TRƯỜNG GIANG	DH11NT		<i>GIANG</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11116033	NGUYỄN VĂN HẠNH	DH11NT		<i>HẠNH</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11116032	LA THỊ NGỌC HẢO	DH11NT		<i>HẢO</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11116105	NGUYỄN VĂN HIẾU	DH11NT		<i>HIẾU</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11116012	LÊ THỊ MỸ HỒ	DH11NT		<i>MỸ HỒ</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11116038	ĐẶNG NGỌC CẨM HỒNG	DH11NT		<i>HỒNG</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11116013	NGUYỄN HƠN	DH11NT		<i>HƠN</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11116039	HỒ MINH HUY	DH11NT		<i>HUY</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11116040	PHAN VĂN HUY	DH11NT		<i>HUY</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11116043	NGUYỄN TRƯỜNG KHA	DH11NT		<i>KHA</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11116044	VÕ DUY KHÁNH	DH11NT		<i>KHÁNH</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11116049	TRẦN LÊ NHẬT LÂM	DH11NT		<i>LÂM</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 5 tháng 12 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Nguyễn Thị Mỹ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 22

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11116050	LÊ THỊ LINH	DH11NT		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11116053	HUỖNH THỊ HOA MAI	DH11NT		<i>[Signature]</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11116054	DƯƠNG NHỰT MẠNH	DH11NT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11116101	LÊ NGỌC MÃN	DH11NT		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11116108	NGUYỄN VĂN MẾN	DH11NT		<i>[Signature]</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11116102	LÊ HOÀI NAM	DH11NT		<i>[Signature]</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11116059	PHAN KIM NGỌC	DH11NT		✓					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11116060	TRẦN HOÀNG BÍCH NGỌC	DH11NT		<i>[Signature]</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11116110	ĐẶNG THÀNH NGUYỄN	DH11NT		<i>[Signature]</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11116111	NGÔ THỊ HUỖNH NHON	DH11NT		<i>[Signature]</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11116113	VÕ THANH NHƯ	DH11NT		<i>[Signature]</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11116063	VÕ THỊ HUỖNH NHƯ	DH11NT		<i>[Signature]</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11116114	BÙI VĂN PHỔ	DH11NT		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11116007	LÂM PHONG PHÚ	DH11NT		<i>[Signature]</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11116066	NGÔ THANH PHÚC	DH11NT		<i>[Signature]</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11116067	TRẦN VĂN PHƯƠNG	DH11NT		<i>[Signature]</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11116068	TRẦN ĐÌNH QUANG	DH11NT		<i>[Signature]</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11116071	HỒ HOÀNG BẢO QUÝ	DH11NT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 5 tháng 12 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
Th.S: LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]
Huyền Tiên Df

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 22

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11116072	TRẦN NGỌC QUÝ	DH11NT		<i>Trần Quý</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11116117	HỒ SỸ SÂM	DH11NT		<i>Hồ Sâm</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11116076	PHẠM NHƯ THÀNH	DH11NT		<i>Phạm Như Thành</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11116075	PHAN VĂN THÀNH	DH11NT		<i>Phan Văn Thành</i>				3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11116077	LÊ BÁ THÀNH	DH11NT		<i>Lê Bá Thành</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11116078	CHÂU THỊ THU THẢO	DH11NT		<i>Châu Thị Thu Thảo</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11116080	ĐẶNG HOÀNG THẮNG	DH11NT		<i>Đặng Hoàng Thắng</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11116081	PHAN QUỐC THỊNH	DH11NT		<i>Phan Quốc Thịnh</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11116103	VĂN ANH THOẠI	DH11NT		<i>Văn Anh Thoại</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11116004	MAI THANH TIẾN	DH11NT		<i>Mai Thanh Tiến</i>				8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11116119	BÙI MINH TOÀN	DH11NT		<i>Bùi Minh Toàn</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11116088	NGUYỄN HỮU TÔN	DH11NT		<i>Nguyễn Hữu Tôn</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11116090	NGUYỄN THỊ THẢO TRINH	DH11NT		<i>Nguyễn Thị Thảo Trinh</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11116010	TRẦN PHƯƠNG TRINH	DH11NT		<i>Trần Phương Trinh</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11116092	NGUYỄN MINH TRƯƠNG	DH11NT		<i>Nguyễn Minh Trương</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11116123	BÙI VĂN TÚC	DH11NT		<i>Bùi Văn Túc</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11116095	PHẠM QUỐC TÙNG	DH11NT		<i>Phạm Quốc Tùng</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11116052	NGUYỄN THỊ TRÚC TY	DH11NT		<i>Nguyễn Thị Trúc Ty</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 5 tháng 12 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thông
Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Nguyễn Thị Trúc Ty

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 13

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tờ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tờ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10158039	HOÀNG VĂN THÙY	DH10SK		<i>Thuy</i>				8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11148056	VY NGỌC AN	DH11DD		<i>An</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11148057	TRẦN HOÀI BẢO	DH11DD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11148060	ĐOÀN THỊ THU BÍCH	DH11DD		<i>Thu</i>				8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11148058	HOÀNG QUANG BÌNH	DH11DD		<i>Quang</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11148059	TRẦN PHƯƠNG BÌNH	DH11DD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11148002	TRẦN THỊ NHƯ BÌNH	DH11DD		<i>Như</i>				8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11148063	LÊ THỊ HỒNG CẨM	DH11DD		<i>Hồng</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11148064	LÊ THUY SONG CHÂU	DH11DD		<i>Song</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11148003	VƯƠNG THỊ MINH CHÂU	DH11DD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11148066	VƯƠNG THỊ MINH CHÂU	DH11DD		<i>Minh</i>				9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11148067	ĐINH VÕ NGỌC CHI	DH11DD		<i>Chi</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11148068	NGUYỄN THỊ BÍCH CHI	DH11DD						7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11148004	TRẦN THỊ DIỄM	DH11DD		<i>Diễm</i>				8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11148005	NGUYỄN THỊ HỒNG DU	DH11DD		<i>Hồng</i>				8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11148008	NGUYỄN MẠNH HÀ	DH11DD		<i>Mạnh</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11148103	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	DH11DD		<i>Mỹ</i>				9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11148031	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	DH11DD						7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thong
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Thư
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 13

CBGD: Lê Ngọc Thống (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11148010	VŨ THÁI	HUYỀN	DH11DD	#				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11148011	NGUYỄN THỊ MAI	HƯƠNG	DH11DD	Thuan				6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11148013	TRẦN THỊ	MY	DH11DD	Thuy				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11148015	THÂN HUYỀN	NGỌC	DH11DD	Ngoc				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11148018	BÙI THỊ QUỲNH	NHƯ	DH11DD	nhu				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11148042	NGUYỄN THỊ	NỮ	DH11DD	nguyen				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11148019	ĐOÀN MINH	PHỤNG	DH11DD	Phung				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11148020	HÌNH ỨC	PHƯƠNG	DH11DD	Hinh				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11148044	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	DH11DD	Thi				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11148022	VŨ NGUYÊN HOÀI	SƯƠNG	DH11DD	Hoai				8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11148038	LŨI THỊ CẨM	THI	DH11DD	Cam				9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11148024	VŨ HUỖNH QUYÊN	THÙY	DH11DD	Thuy				7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11148026	TRẦN THỊ ANH	THƯ	DH11DD	Thuy				8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11148027	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN	DH11DD	Kieu				6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11148028	HỒ THỊ	TRANG	DH11DD	Thuy				6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11148046	LÊ THỊ THÙY	TRANG	DH11DD	Thuy				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11148030	VŨ THỊ	TRÂM	DH11DD	Tram				6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11148035	BÙI THANH	VŨ	DH11DD	Thanh				8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thuan
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Thuan Tran T. Thanh Huyen

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 13

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11148048	PHAN THỊ YẾN	DH11DD		<i>nyl</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11148037	PHẠM TRẦN HỒNG ANH	DH11TP							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11148099	NGUYỄN THỊ THU HÀ	DH11TP							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11148009	NGUYỄN THỊ HUỆ	DH11TP							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thore
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Phạm Trần Thị Thanh Huyền

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 18

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10142008	PHẠM THỊ KIM	CHI		<i>Kim</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10113224	THẠCH THỊ	LINH		<i>Thạch</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10113220	TRIỆU THỊ	TOÀN		<i>Triệu</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10156019	TRẦN THỊ DIỆU	HẶNG		<i>Trần</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11142120	NGUYỄN THỊ THÚY	AN		<i>An</i>				5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11142129	NGUYỄN THỊ KIM	CHI		<i>Kim</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11142131	CHÂU HOÀNG	CƯỜNG		<i>Châu</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11142133	NGÔ THỊ BẢO	DUYÊN		<i>Bảo</i>				8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11142121	ĐÌNH NGUYỄN AN	DƯƠNG		<i>An</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11142135	ĐẶNG HOÀNG	ĐẠO		<i>Đặng</i>				7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11142136	BÙI QUỐC	ĐẠT		<i>Quốc</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11142141	NGUYỄN THỊ THÚY	HẶNG		<i>Thúy</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11142142	NGUYỄN THỊ THÚY	HẶNG		<i>Thúy</i>				6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11142143	NGUYỄN DUY	HIỂN							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11142144	NGUYỄN KIỀU	HOÀI		<i>Kiều</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11142146	NGUYỄN THỊ	KIỀU		<i>Thị</i>				8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11142147	DƯƠNG THỊ MỸ	LINH		<i>Mỹ</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11142149	HỒ SĨ	LƯU		<i>Sĩ</i>				8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thông
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Mai Nguyễn Thị Mai

Thư Trần T. Trần Hoàng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 18

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11142151	BÙI THỊ MAI LY	DH11DY		<i>ly</i>				8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11142152	ĐẶNG LÊ THU NGỌC	DH11DY		<i>Thu</i>				8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11142153	ĐÀO DUY NHẬT	DH11DY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11142125	PHẠM THỊ KIỀU OANH	DH11DY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11142154	LÊ THỊ PHỤNG	DH11DY		<i>Phung</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11142126	TRẦN PHI PHỤNG	DH11DY		<i>Phi</i>				8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11142156	NGUYỄN TẤN SINH	DH11DY		<i>Tan</i>				6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11142093	VÕ VĂN SON	DH11DY		<i>Son</i>				6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11142095	ĐỖ NGỌC SON	DH11DY		<i>Son</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11142096	PHẠM QUAN SON	DH11DY		<i>Son</i>				8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11142097	NGUYỄN NGỌC SƯƠNG	DH11DY		<i>Suong</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11142099	TRẦN THANH TÂN	DH11DY		<i>Tan</i>				8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11142160	ĐỖ THANH THẢO	DH11DY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11142161	TRẦN THỊ THU THẢO	DH11DY		<i>Thu</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11142104	NGUYỄN HOÀNG THI	DH11DY		<i>Thu</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11142163	PHẠM THỊ ÁI THI	DH11DY		<i>Thu</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11142164	HUYỀN NGỌC KHÁNH THIÊN	DH11DY		<i>Thu</i>				6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11142106	HUYỀN THỊ KIM THU	DH11DY		<i>Thu</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thore
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Thore
Thore

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 18

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11142165	NGUYỄN THỊ KIM	THÙY	DH11DY	<i>[Signature]</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11142109	NGUYỄN THỊ CẨM	TIÊN	DH11DY	<i>[Signature]</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11142128	TRẦN THANH	TOÀN	DH11DY	<i>[Signature]</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11142111	NGUYỄN VĂN	TÓI	DH11DY						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11142167	TẠ THỊ THÚY	TRINH	DH11DY	<i>[Signature]</i>				8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11142113	TRẦN THỊ DIỆM	TRINH	DH11DY	<i>[Signature]</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11142114	PHAN NGUYỄN THANH	TRÚC	DH11DY	<i>[Signature]</i>				4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11142170	NGUYỄN ANH	TÚ	DH11DY						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11142116	NGUYỄN ĐÌNH ANH	TUẤN	DH11DY						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11142171	LỮ THỊ CẨM	UYÊN	DH11DY	<i>[Signature]</i>				8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11142172	HUỖNH VŨ HỒNG	VI	DH11DY	<i>[Signature]</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11142118	TRƯƠNG ĐÌNH	VIỆT	DH11DY	<i>[Signature]</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 35

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11148069	PHẠM THỊ KIM CHI	DH11DD						8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11148074	PHẠM CAO CƯỜNG	DH11DD						8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11148082	NGUYỄN THỊ DUNG	DH11DD						6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11148085	HUỶNH THỊ MỸ DUYÊN	DH11DD						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11148089	NGUYỄN NGỌC ĐIỆP	DH11DD						8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11148091	TRẦN NGUYỄN MINH ĐOÀN	DH11DD						8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11148092	NGUYỄN TRÍ ĐỨC	DH11DD						8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11148093	HỒ THỊ GIANG	DH11DD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11148094	PHAN VŨ TRÚC GIANG	DH11DD						7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11148098	NGUYỄN THỊ HÀ	DH11DD						7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11148203	NGUYỄN HUỶNH THANH QUÍ	DH11DD						8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11148202	NGUYỄN VĂN QUÝ	DH11DD						7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11148201	TRƯƠNG THỊ NHƯ QUỲNH	DH11DD						6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11148353	SƠN ĐA RA	DH11DD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11148206	NGUYỄN THỊ LAN THANH	DH11DD						6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11148207	CHU THỊ THANH THẢO	DH11DD						8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11148209	HOÀNG THỊ THẢO	DH11DD						5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11148212	LÊ THỊ THẨM	DH11DD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Lê Ngọc Thông
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Phan Thị Thanh Hương

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 35

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11148213	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	DH11DD						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11148216	NGUYỄN TRƯỜNG THO	DH11DD						8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11148218	HUỖNH THỊ NGỌC THƠ	DH11DD						7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11148219	LÊ THỊ THU	DH11DD						8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11148220	TRẦN LỆ THU	DH11DD						8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11148221	NGUYỄN ĐÌNH THUẬN	DH11DD						8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11148222	NGUYỄN THỊ NGỌC THÙY	DH11DD						6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11148223	NGUYỄN THỊ THANH THÙY	DH11DD						7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11148224	BÙI THỊ THÚY	DH11DD						7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11148225	ĐOÀN THỊ THÚY	DH11DD						7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11148227	TRẦN THỊ THANH THÚY	DH11DD						7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11148228	CHÂU NGỌC ANH THỨ	DH11DD						8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11148229	NGUYỄN THỊ ANH THỨ	DH11DD						7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11148233	NGUYỄN THỊ THÙY TIẾN	DH11DD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11148234	TRẦN THỊ VƯƠNG THỨ TIẾN	DH11DD						5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11148237	HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG	DH11DD						7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11148238	LÊ THỊ MINH TRANG	DH11DD						5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11148239	NGUYỄN THỊ TRANG	DH11DD						8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Thư Viện Thủ Khoa Huyên

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 28

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09157190	TRẦN THANH TỊNH	DH09DL		<i>Trần</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09113005	TRỊNH MINH CHÁNH	DH09NH		<i>Trịnh</i>				4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11161084	HUỖNH THANH AN	DH11TA		<i>Huỳnh</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11161002	NGUYỄN THANH BÌNH	DH11TA		<i>Nguyễn</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11161015	NGÔ THỊ BÔNG	DH11TA		<i>Bông</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11161016	HỒ VĂN CÔNG	DH11TA		<i>Công</i>				9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11161017	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄM	DH11TA		<i>Hồng</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11161087	NGUYỄN TẤN DOÃN	DH11TA		<i>Tấn</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11161020	VŨ THỊ THÙY DUNG	DH11TA							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11161079	NGUYỄN XUYẾN DUYÊN	DH11TA		<i>Xuyến</i>				4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11161022	PHẠM VĂN DƯƠNG	DH11TA		<i>Dương</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11161088	LÊ TẤN ĐẠT	DH11TA		<i>Đạt</i>				5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11161089	NGUYỄN MINH ĐĂNG	DH11TA		<i>Đăng</i>				6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11161025	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	DH11TA		<i>Việt</i>				4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11161003	NGUYỄN THỊ NHUNG EM	DH11TA		<i>Nhung</i>				5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11161026	NGUYỄN DANH GIÁ	DH11TA		<i>Danh</i>				6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11161027	TRƯƠNG HỒNG HÀ	DH11TA		<i>Hồng</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11161090	PHẠM VŨ HẢO	DH11TA		<i>Hảo</i>				4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thông
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Nguyễn Văn Thành Hoàng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 28

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11161029	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	DH11TA					5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11161091	NGÔ ĐOÀN	HIẾU	DH11TA					6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11161030	TRẦN THỊ KIM	HOA	DH11TA					8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11161031	MAI ĐẠI	HÒA	DH11TA					6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11161032	BÙI THỊ MỸ	HOÀNG	DH11TA					5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11161033	LÊ VĂN	HOÀNG	DH11TA					6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11161035	BÙI HUỲNH	HUY	DH11TA					6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11161094	HÀ VĨNH	HỨNG	DH11TA					7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11161009	NGUYỄN THỊ	KIỀU	DH11TA						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11161038	ĐOÀN TẮT	LẬP	DH11TA					2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11161039	TRIỆU VĂN	LẬP	DH11TA					7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11161040	NGUYỄN THỊ	LINH	DH11TA					7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11161098	PHAN QUỐC	MÃN	DH11TA					6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11161099	NGUYỄN HOÀI	NAM	DH11TA					4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11161043	PHAN TRỌNG	NHÂN	DH11TA					7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11161044	ĐINH THỊ KIỀU	NHI	DH11TA					8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11161102	LÊ THỊ KIỀU	NƯƠNG	DH11TA					6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11161103	CAO HOÀNG Y	PHỤNG	DH11TA					6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 28

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11161047	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	DH11TA		<i>[Signature]</i>				6,2	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	11161105	LÊ TẤN QUÍ	DH11TA		<i>[Signature]</i>				6,6	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	11161049	NGUYỄN MINH SANG	DH11TA		<i>[Signature]</i>				8,1	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	11161051	NGUYỄN TRƯỜNG SON	DH11TA		<i>[Signature]</i>				5,5	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
41	11161056	NGUYỄN HOÀNG THÁI	DH11TA		<i>[Signature]</i>				7,7	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	11161004	ĐỖ THIÊN THANH	DH11TA		<i>[Signature]</i>				6,2	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	11161108	ĐINH THỊ THANH THẢO	DH11TA		<i>[Signature]</i>				5,1	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	11161011	LÊ THU THẢO	DH11TA		<i>[Signature]</i>				6,0	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	11161055	PHẠM THỊ THU THẢO	DH11TA		<i>[Signature]</i>				7,6	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
46	11161057	KIÊN VĂN THẾ	DH11TA		<i>[Signature]</i>				7,8	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
47	11161111	NGUYỄN CÔNG THỊNH	DH11TA		<i>[Signature]</i>				7,9	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
48	11161080	TRẦN THỊ THANH THÚY	DH11TA		<i>[Signature]</i>				7,6	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
49	11161060	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	DH11TA		<i>[Signature]</i>				6,6	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
50	11161061	PHẠM THỊ HỒNG THƯƠNG	DH11TA		<i>[Signature]</i>				6,1	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
51	11161008	BÙI THỊ THÚY TIÊN	DH11TA		<i>[Signature]</i>				8,2	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
52	11161114	NGUYỄN KHƯƠNG TÍN	DH11TA		<i>[Signature]</i>				7,1	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
53	11161115	BÙI CÔNG TỊNH	DH11TA		<i>[Signature]</i>				7,4	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
54	11161062	LÊ TRỌNG TOÀN	DH11TA		<i>[Signature]</i>				7,8	V (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
T.H.S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]
Hương Liên



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 28

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	11161116	ĐỖ THỊ TRANG	DH11TA		<i>Thị Trang</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11161117	NGUYỄN THỊ KIM	DH11TA		<i>Thị Kim</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11161068	NGUYỄN ĐỨC	DH11TA		<i>Đức</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	11161082	LÊ ĐỨC	DH11TA		<i>Đức</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11161118	NGUYỄN THANH	DH11TA		<i>Thanh</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	11161083	LÊ THỊ THANH	DH11TA		<i>Thị Thanh</i>				8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	11161006	HUỖNH PHÚC	DH11TA		<i>Phúc</i>				6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11161074	TRẦN ĐĂNG BẢO	DH11TA		<i>Bảo</i>				6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	11161007	PHÙNG TUYẾT	DH11TA		<i>Tuyết</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	11161075	HUỖNH NGUYỄN THANH	DH11TA		<i>Thanh</i>				4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thông
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Phùng Tuyết, Thanh Huỳnh



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02920

Trang 1/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 05

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08125051	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	DH08BQ						8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09116062	TRẦN THỊ HƯƠNG	DH09NT		<i>Very</i>				9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10145103	HỒ QUỐC OAI	DH10BV						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10145031	CHAU CHANH RA	DH10BV						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10131068	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	DH10CH						9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10117158	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	DH10CT						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10157199	BÙI THỊ THU TRANG	DH10DL						8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10127190	VÕ HOÀNG VŨ	DH10MT						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10149009	NGUYỄN THỊ ÁNH	DH10QM						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10149013	PHẠM TUẤN BÌNH	DH10QM						8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10149025	NGUYỄN DU	DH10QM						7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10149032	TRẦN VĂN DŨNG	DH10QM						8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10149033	NGUYỄN XUÂN DŨY	DH10QM						6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10149035	NGUYỄN NGỌC THÀNH ĐẠT	DH10QM						7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10149042	LÂM VĂN ĐIỆP	DH10QM						6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10149044	BÙI THÀNH ĐỒ	DH10QM						8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10149066	PHẠM VĂN HOÀNG	DH10QM							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10149266	TÔN LƯƠNG THỨC KHANH	DH10QM						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 10 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thư
TR. S. LÊ NGỌC THÔNG

Phúc *Nguyễn Thị Mai*

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 05

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10149003	TRẦN THỊ LOAN	DH10QM						9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10149115	NGUYỄN TIẾN NAM	DH10QM						6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10149118	VÕ THANH NAM	DH10QM						8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10149123	BÙI THỊ UYÊN	DH10QM						5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10149124	HUỖNH THẾ NGỌC	DH10QM							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10149129	TRẦN THỊ NGUYỄN	DH10QM						9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10149152	TRỊNH BỬU HỒNG	PHƯƠNG	DH10QM					9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10149176	CAO THỊ THANH THẢO	DH10QM						8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10149179	PHAN THỊ MINH THẢO	DH10QM						7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10149210	DƯƠNG THỊ MỸ TRANG	DH10QM						9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10149220	LÝ THỊ PHƯƠNG TRINH	DH10QM						8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10149222	HỒ HỮU TRUNG	DH10QM						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10149228	NGUYỄN THẾ TRƯỜNG	DH10QM						7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10149234	LÊ TRƯỜNG ANH TUẤN	DH10QM						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	10149236	PHAN THỊ NGỌC TUYỀN	DH10QM						8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10149244	NGUYỄN THỊ VÂN	DH10QM						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	10149252	PHAN HOÀNG VŨ	DH10QM						8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	10161096	ĐOÀN HOÀN SON	DH10TA						7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 10 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thư
Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Thư
Thư viên Trần Hoàng
Thư
Nguyễn T. Mai

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 05

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10161117	ĐÀO THỊ MỸ THỊNH	DH10TA							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	10156015	NGUYỄN NGỌC GIỚI	DH10VT						3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	10156071	TRƯƠNG THỊ MINH THƠ	DH10VT						3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	10156089	HUYỀN THỊ THÚY VI	DH10VT						3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 18 tháng 10 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thore
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Phúc
Nguyễn Thị Mai

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 15

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09117033	NGUYỄN VĂN ĐAM	DH09CT		<i>Đam</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11157064	HOÀNG THỊ NGỌC	DH11DL						9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11157065	HOÀNG TIẾN	DH11DL		<i>Anh</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11157066	LÊ THẾ	DH11DL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11157382	LÊ TÚ	DH11DL		<i>Anh</i>				9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11157073	VŨ THỊ LAN	DH11DL						7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11157001	HỒ THỊ NGỌC	DH11DL						7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11157076	THÁI DUY	DH11DL		<i>M</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11157079	LÊ NGỌC	DH11DL		<i>ngoc</i>				4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11157082	PHẠM KIM	DH11DL		<i>K</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11157383	TRÁO VĂN	DH11DL		<i>th</i>				6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11157083	NGUYỄN THÀNH	DH11DL						7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11157003	ĐỖ ĐĂNG	DH11DL						8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11157384	NGUYỄN NGỌC	DH11DL						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11157088	SÁI ANH	DH11DL		<i>Anh</i>				5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11157090	VƯƠNG QUỐC HÙNG	DH11DL						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11157385	TRẦN ANH	DH11DL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11157386	TRẦN THỊ BÍCH	DH11DL		<i>la</i>				8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thông
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Phạm Văn Thanh, Huỳnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 15

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11157004	CHÂU THỊ THÚY	DIỄM		<i>CAT</i>				5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11157056	LƯƠNG MINH	DIỆU						8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11157388	PHẠM THỊ THANH	DIỆU							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11157389	HỒ THỊ	DUNG						6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11157092	NGÔ THỊ CẨM	DUNG		<i>Th</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11157094	ĐOÀN QUỐC	DUY						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11157099	NGUYỄN NGỌC THÙY	DƯƠNG		<i>Thuy</i>				6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11157100	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG		<i>Thuy</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11157101	VÕ MINH	DƯƠNG		<i>Minh</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11157104	ĐOÀN VŨ ANH	ĐÀI		<i>Anh</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11157105	ĐOÀN THỊ HỒNG	ĐÀO		<i>Hong</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11157106	LÊ ANH	ĐÀO						7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11157107	NGUYỄN THỊ	ĐÀO		<i>Thi</i>				6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11157006	NGUYỄN TRUNG	ĐÔNG						8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11157393	TRẦN QUỐC	ĐỨC							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11157111	LÊ THỊ HỒNG	GẮM						9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11157008	VŨ THỊ	GIÀU		<i>Thi</i>				5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11157010	ĐOÀN THỊ THU	HÀ						7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Thư
Huynh Phan T. Thanh Hoàng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 15

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11157118	VŨ THỊ THU HÀ	DH11DL						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11157119	VƯƠNG THỊ THU HÀ	DH11DL						5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11157121	NGUYỄN VƯƠNG HẢI	DH11DL		<i>nh</i>				8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11157125	TRẦN LINH HẠNH	DH11DL		<i>nh</i>				6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11157126	ĐÀO THỊ MAI HẰNG	DH11DL						9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11157396	HUỶNH THỊ THANH HẰNG	DH11DL						7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11157133	NGUYỄN THỊ THÁI HIỀN	DH11DL						7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11157134	TRẦN NGỌC HIỀN	DH11DL		<i>ngnh</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11157012	TRẦN THỊ THU HIỀN	DH11DL						5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11157136	TRẦN NGUYỄN HIẾU	DH11DL		<i>nh</i>				8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11157139	NGUYỄN THANH HOÀI	DH11DL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11157140	ĐẶNG THỊ BẢO HOÀNG	DH11DL						8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11157013	GIẢNG THỊ THU HỒNG	DH11DL		<i>nh</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11157144	NGUYỄN THỊ HỒNG	DH11DL						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thue
TR. S. LÊ NGỌC THÔNG

Thue Trần T. Frank Hoàng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 04

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09141101	LƯƠNG CÔNG MINH TÀI	CD10CS						5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	08125201	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	DH08BQ						7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09117070	NGUYỄN THẾ HUÂN	DH09CT						9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	09117190	NGUYỄN THÀNH TOÁN	DH09CT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10145098	TRẦN VĂN NGUYỄN	DH10BV						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10117207	LÝ MINH THỦY	DH10CT						9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10148326	LÊ BÍCH TUYẾN	DH10DD						8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10157056	NGUYỄN VŨ HẢO	DH10DL						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10157221	PHAN THANH TUYẾN	DH10DL						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10142213	TRƯƠNG HOÀNG ÁNH	DH10DY						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10127150	VŨ THỊ THỦY	DH10MT						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10149023	NGUYỄN ĐỖ KIM DIỆU	DH10QM						7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10149029	NGUYỄN THỊ NGỌC DUYÊN	DH10QM						8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10149050	LÊ THANH HẢI	DH10QM						9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10149060	HỒ MINH HIẾU	DH10QM						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10149071	NGUYỄN QUANG HUY	DH10QM						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10149078	TRẦN THỊ DIỆM HƯƠNG	DH10QM						9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10149103	VŨ THỊ LỜI	DH10QM						8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 10 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Nguyễn Thị Mai
Trần Thị Hương

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 04

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10149104	ĐINH CÔNG	LỢI	DH10QM					7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10149105	ĐINH VĂN	LUÂN	DH10QM					4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10149109	LÊ VĂN	LƯỢNG	DH10QM					8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10149128	NGUYỄN CHÁNH	NGUYỄN	DH10QM					6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10149130	VÕ THỊ	NGUYỆT	DH10QM					9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10149131	HOÀNG TĂNG	NHẬT	DH10QM					7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10149134	NGUYỄN THỊ THU	NHI	DH10QM					9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10149147	BÙI THỊ	PHÚ	DH10QM					8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10149149	DƯƠNG HỒNG	PHÚC	DH10QM					6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10149153	LẠI THỊ	PHƯƠNG	DH10QM					9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10149175	BÙI KIM	THÀNH	DH10QM						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10149184	HUỖNH MINH	THIỆN	DH10QM					6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10149192	NGUYỄN THỊ	THÙY	DH10QM					9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10149194	BÙI THỊ THU	THÙY	DH10QM					7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	10149195	KIỀU THỊ HỒNG	THÙY	DH10QM					8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10149201	NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	DH10QM					8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	10149202	TRẦN ĐỖ XUÂN	THƯƠNG	DH10QM					7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	10149004	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	DH10QM					8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 10 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thore
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Ma ng. Thị Mai
Phan Thanh Hương

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 17

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09112024	NGUYỄN THỊ NGỌC DUYÊN	DH09TY		<i>[Signature]</i>				8,8	V (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
2	10142083	LÊ THỊ BÍCH LY	DH10DY		<i>[Signature]</i>				7,2	V (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
3	11142029	ĐOÀN THỊ THÚY AN	DH11DY		<i>[Signature]</i>				7,2	V (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
4	11142022	VÕ THỊ NGỌC ANH	DH11DY		<i>[Signature]</i>				7,2	V (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
5	11142003	ĐỖ THỊ HỒNG CẨM	DH11DY		<i>[Signature]</i>				7,7	V (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
6	11142036	NGUYỄN NGỌC KIM CHÂU	DH11DY		<i>[Signature]</i>				6,5	V (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
7	11142005	NGUYỄN VĂN CHIẾN	DH11DY		<i>[Signature]</i>				8,2	V (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
8	11142039	BÙI MINH CƯỜNG	DH11DY							V (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
9	11142040	ĐỒNG NGUYỄN CÔNG DANH	DH11DY							V (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
10	11142006	NGUYỄN NHÂN DANH	DH11DY		<i>[Signature]</i>				7,5	V (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
11	11142042	NGUYỄN THỊ HOÀNG DUNG	DH11DY		<i>[Signature]</i>				8,4	V (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
12	11142043	TRẦN MINH ĐỨC	DH11DY							V (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
13	11142044	NGUYỄN VĂN ĐIỀN EM	DH11DY		<i>[Signature]</i>				7,3	V (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
14	11142045	NGUYỄN THỊ HỒNG GĂM	DH11DY		<i>[Signature]</i>				7,2	V (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
15	11142048	PHẠM NGUYỄN THÙY GIAO	DH11DY		<i>[Signature]</i>				6,4	V (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
16	11142049	TRẦN THỊ HẠNH	DH11DY							V (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
17	11142050	LÊ THỊ HẠNG	DH11DY		<i>[Signature]</i>				7,7	V (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
18	11142051	NGUYỄN THỊ CẨM HẠNG	DH11DY		<i>[Signature]</i>				6,9	V (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 14 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
TR. S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]
Phạm Nguyễn Thị Mai



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02932

Trang 2/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 17

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11142008	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	DH11DY		<i>Thanh H</i>				5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11142052	LƯƠNG VĂN HẬU	DH11DY		<i>Hau</i>				6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11142009	NGUYỄN THỊ THÚY HIỀN	DH11DY		<i>Thuy H</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11142055	LÂM MINH HOÀI	DH11DY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11142054	NGUYỄN HÂN HOAN	DH11DY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11142057	PHẠM THỊ HỒNG	DH11DY		<i>Pham T</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11142058	NGUYỄN THANH HUỆ	DH11DY		<i>Thanh H</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11142059	NGUYỄN THỊ DIỆM HUYỀN	DH11DY		<i>Thy H</i>				9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11142061	NGUYỄN THỊ CẨM HƯƠNG	DH11DY		<i>Thy H</i>				8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11142062	HUỶNH QUANG KHANG	DH11DY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11142023	PHAN HỒ TÁI KHANG	DH11DY		<i>Phan H</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11142010	TRƯƠNG THỊ NHƯ LAN	DH11DY		<i>Truong T</i>				4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11142065	TRƯƠNG THỊ THANH LAN	DH11DY		<i>Truong T</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11142068	LÊ THỊ KHÁNH LY	DH11DY		<i>Le Thi K</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11142011	NGUYỄN NGỌC YẾN MINH	DH11DY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11142070	LÊ THỊ HỒNG MUỘI	DH11DY		<i>Le Thi H</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11142072	NGUYỄN THỊ THOẠI MỸ	DH11DY		<i>Nguyen T</i>				6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11142012	TRẦN THUY KIM NGÂN	DH11DY		<i>Tran T</i>				9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 14 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Le Ngoc Thong
TR.S. LÊ NGỌC THÔNG

Phan Thi Thanh Huyen

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 17

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11142075	TRIỆU THU	NGHIÊM	DH11DY					7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11142076	LÊ BẢO	NGỌC	DH11DY					8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11142077	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	DH11DY					7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11142014	HUỖNH HỒNG	NHI	DH11DY						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11142086	NGÔ KIM	PHỤNG	DH11DY						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11142088	NGÔ THỊ UYÊN	PHƯƠNG	DH11DY					7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11142089	NGUYỄN THỊ DIỄM	PHƯƠNG	DH11DY					7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11142016	NGÔ XUÂN	QUÍ	DH11DY						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11142091	HUỖNH PHÚ	QUÝ	DH11DY					7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11142026	NGUYỄN THỊ HỒNG	SEN	DH11DY					8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11142017	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH11DY					7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11142018	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	DH11DY					8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11142019	ĐẶNG THỊ MỸ	TIÊN	DH11DY					8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11142028	NGUYỄN THỊ UYÊN	TRINH	DH11DY					6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11142021	NGUYỄN THỊ XUÂN	YÊN	DH11DY						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11142087	MAI THỊ	PHƯƠNG	DH11TP						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Thư giám thị Thành Hưng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 08

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08145089	PHẠM TUẤN THÔNG	DH08BV						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	08117238	PHAN THỊ VUI	DH08CT						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	07127031	NGUYỄN ANH ĐỨC	DH08MT		<i>[Signature]</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10145143	NGUYỄN TĂNG THỪA	DH10BV		<i>[Signature]</i>				6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10145183	ĐÌNH THỊ YẾN	DH10BV							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10117027	TRẦN THỊ DUNG	DH10CT		<i>[Signature]</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10117038	LÊ THỊ ĐAN	DH10CT		<i>[Signature]</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10113043	ĐỖ THỊ NGỌC HIỀN	DH10NH		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11145001	NGUYỄN THÚY AN	DH11BV						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11145002	NGUYỄN TRƯỜNG AN	DH11BV						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11145041	NGUYỄN VŨ TẤN AN	DH11BV						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11145043	PHẠM TUẤN ANH	DH11BV						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11145044	TRẦN TIẾN ANH	DH11BV						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11145045	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	DH11BV						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11145046	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	DH11BV						6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11145048	NGUYỄN VĂN BẮC	DH11BV		<i>[Signature]</i>				6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11145003	LÊ THỊ TUYẾT BĂNG	DH11BV						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11145004	LÊ CÔNG BĂNG	DH11BV						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 9 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]
[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 08

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11145023	NGUYỄN VÕ NGỌC CHÂU	DH11BV						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11145051	NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN	DH11BV							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11145054	ĐẶNG QUỐC CHƯƠN	DH11BV						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11145006	TRẦN KHÁNH CHƯƠN	DH11BV						4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11145055	TRƯƠNG NGUYỄN HOÀN	DH11BV						5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11145056	NGUYỄN PHI CÔNG	DH11BV						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11145064	NGUYỄN VĂN ĐÀI	DH11BV						6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11145066	PHẠM THÀNH ĐẠT	DH11BV						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11145067	THÁI HOÀNG ĐẠT	DH11BV							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11145038	LÊ TẤN KHÔI	DH11BV		<i>Tấn Khôi</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11145010	TRẦN THỊ MỸ LỆ	DH11BV		<i>Mỹ Lệ</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11145027	HUỖNH VŨ LINH	DH11BV		<i>Vũ Linh</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11145028	NGUYỄN ĐOÀN PHỤNG LINH	DH11BV						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11145011	PHẠM VŨ LINH	DH11BV		<i>Vũ Linh</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11145029	PHAN THANH LOAN	DH11BV		<i>Thanh Loan</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11145030	VÕ PHI LONG	DH11BV		<i>Phi Long</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11145012	PHẠM LŨU LUYẾN	DH11BV		<i>Lưu Luyến</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11145031	LÊ TRỌNG NGHĨA	DH11BV		<i>Trọng Nghĩa</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thơng
T.H.S. LÊ NGỌC THÔNG

Nguyễn Văn Tuấn
Phan Tấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 08

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11145033	PHẠM THỊ PHỤNG	DH11BV		<i>Phụng</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11145013	LÊ PHƯỚC TÀI	DH11BV		<i>Tài</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11145035	ĐOÀN VĂN TẤN	DH11BV		<i>Tấn</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11145014	PHẠM CÔNG TẤN	DH11BV		<i>Tấn</i>				8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11145016	ĐẶNG HỒNG THÁI	DH11BV		<i>Thái</i>				6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11145015	NGÔ THỊ KIM THANH	DH11BV						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11145037	NGUYỄN VIỆT THẮNG	DH11BV		<i>Việt Thắng</i>				6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11145017	NGUYỄN THẾ QUỐC THỊNH	DH11BV		<i>Quốc Thịnh</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11145020	NGUYỄN TRỌNG TÍN	DH11BV		<i>Tín</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11145019	NGUYỄN THANH TÌNH	DH11BV		<i>Thanh Tình</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11145022	ĐOÀN THANH TUẤN	DH11BV		<i>Tuấn</i>				5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11145039	VÕ QUANG TUẤN	DH11BV		<i>Tuấn</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thông
T.H.S. LÊ NGỌC THÔNG

Nguyễn Thị Huệ
Nguyễn Thị Huệ



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02916

Trang 1/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 01 202402

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10336140	LÊ THỊ THANH	TUYỀN	CD10CS						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11336071	HUỖNH THỊ NGỌC	BÍCH	CD11CS					3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11336072	LÊ THỊ NGỌC	BÍCH	CD11CS					8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11336073	VŨ THỊ NGỌC	BÍCH	CD11CS					6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11336075	LÊ TÍNH	CẨM	CD11CS					8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11336076	ĐÀO QUANG	CẢNH	CD11CS					6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11336024	NGUYỄN XUÂN	CHỨC	CD11CS					6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11336080	NGUYỄN THỊ THU	CÚC	CD11CS					7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11336041	HUỖNH TẤN	CƯỜNG	CD11CS					8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11336082	VŨ THỊ KIM	DIỆM	CD11CS					5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11336065	LÊ VĂN	DIỆN	CD11CS					7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11336067	HOÀNG THỊ NGỌC	DUNG	CD11CS					7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11336088	HỒ TIẾN	DŨNG	CD11CS					3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11336089	PHẠM HỒNG	DŨNG	CD11CS					5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11336090	TRƯƠNG VĂN	DŨNG	CD11CS					7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11336086	HUỖNH PHƯƠNG	DUY	CD11CS					8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11336093	BÙI THỊ	ĐIỆP	CD11CS					8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11336095	TRƯƠNG HỒNG	GIANG	CD11CS					7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 15 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH. S. LÊ NGỌC THÔNG

(Handwritten signature)



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 01

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11336096	VƯƠNG TRƯỜNG GIANG	CD11CS		<i>[Signature]</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11336103	VÕ THỊ NGỌC GIÀU	CD11CS		<i>[Signature]</i>				6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11336107	NGUYỄN THỊ HOÀI	CD11CS						6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11336109	NGUYỄN VĂN HOÀNG	CD11CS		<i>[Signature]</i>				7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11336018	PHAN CHÂU VŨ KHANH	CD11CS							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11336125	NGUYỄN HỮU LÂM	CD11CS		<i>[Signature]</i>				6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11336017	TRẦN VĂN LIÊN	CD11CS		<i>[Signature]</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11336032	CHÂU LÊ TRÚC LINH	CD11CS		<i>[Signature]</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11336022	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	CD11CS		<i>[Signature]</i>				5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11336062	TRẦN THANH LONG	CD11CS						7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11336020	LƯƠNG SĨ MƯU	CD11CS		<i>[Signature]</i>				7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11336023	PHẠM THÀNH NAM	CD11CS						7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11336037	LÊ THỊ KIM NGÂN	CD11CS		<i>[Signature]</i>				4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11336030	NGUYỄN KHOA NGUYỄN	CD11CS						7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11336148	NGUYỄN DUY NHẤT	CD11CS							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11336034	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	CD11CS		<i>[Signature]</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11336029	DƯƠNG ĐÌNH PHONG	CD11CS		<i>[Signature]</i>				6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11336039	NGUYỄN THỊ HÀ PHƯƠNG	CD11CS		<i>[Signature]</i>				6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 01

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11336043	LÊ THÀNH	SƯ						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11336169	NGUYỄN PHƯƠNG	TÂM		<i>Phương</i>				6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11336036	PHẠM HỒNG	THÁI						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11336063	LÊ THỊ THU	THẢO		<i>Thu</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11336171	NGUYỄN THỊ	THẢO						5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11336047	CHU ĐỨC	THỌ		<i>Đức</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11336019	NGUYỄN VĂN	THÔNG		<i>Văn</i>				4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11336040	NGUYỄN MINH	THÚY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11336021	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11336008	PHAN HUY	TRIẾT		<i>Huy</i>				4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11336050	HỒ THỊ THANH	TRÚC						6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11336051	ĐÀM VĂN	TRƯỜNG		<i>Văn</i>				5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11336013	HUỲNH THANH	TUẤN						6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11336005	PHAN TRỌNG	TUẤN		<i>Trọng</i>				5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11336074	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VÂN		<i>Tường</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11336064	PHẠM	VIỆT		<i>Việt</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11336057	NGÔ NGUYỄN HOÀNG	YẾN		<i>Hoàng</i>				4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11336058	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN		<i>Kim</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thông
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Nguyễn Hoàng



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 01

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	11336059	NGUYỄN THỊ PHI YẾN	CD11CS		✓					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	08112318	NGUYỄN MẠNH TUẤN	DH08TY		<i>Tham</i>				6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Tham
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Tham
Cán bộ chấm thi 1&2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 02 202402

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09336247	NGUYỄN PHÚC VINH	CD09CS						6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10336015	MAI THỊ MỪNG	CD10CS		<i>Maing</i>				8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11336282	HOÀNG ĐĂNG BẢO	CD11CS						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11336228	VŨ VĂN ĐẠI	CD11CS		<i>Đại</i>				6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11336229	PHẠM THỊ THANH HẰNG	CD11CS		<i>Thanh</i>				5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11336230	TRẦN THỊ TUYẾT HẰNG	CD11CS							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11336231	LÊ THỊ HIỀN	CD11CS							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11336232	NGUYỄN THỊ THANH HOA	CD11CS						5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11336111	PHẠM NGỌC ĐĂNG HUY	CD11CS						7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11336116	ĐĂNG MINH KHA	CD11CS		<i>Minh</i>				6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11336267	NGUYỄN MINH KHAI	CD11CS		<i>Khair</i>				6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11336117	NGUYỄN DUY KHOA	CD11CS							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11336119	NGUYỄN TRỌNG KHOA	CD11CS		<i>Truong</i>				5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11336123	TRẦN THỊ LAN	CD11CS		<i>Loan</i>				7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11336124	HUYỀN THỊ LÀNH	CD11CS		<i>Lanh</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11336126	NGUYỄN TRẦN NHẬT LÂM	CD11CS						8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11336237	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	CD11CS		<i>Mylinh</i>				9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11336134	LÂM THỊ MAI	CD11CS		<i>Ma</i>				7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Nguyễn Thị Mỹ Linh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 02

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11336272	TRẦN PHƯƠNG MẠNH	CD11CS						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11336135	LÊ XUÂN MẾN	CD11CS						4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11336136	HUỖNH TẤN MINH	CD11CS							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11336137	LÊ VĂN MINH	CD11CS		nh				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11336239	LÊ VĂN NAM	CD11CS						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11336143	LÊ THỊ ANH	CD11CS						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11336241	NGUYỄN BÁ NGHĨA	CD11CS						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11336207	NGUYỄN TẤN NGHIỆP	CD11CS		nh				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11336274	NGUYỄN THỊ MỸ	CD11CS		nh				6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11336275	TRẦN VĂN NGON	CD11CS		nh				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11336149	NGUYỄN VŨ THUY	CD11CS		nh				1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11336285	HỒ THỊ THANH NHÀN	CD11CS						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11336270	THẠCH MINH NHI	CD11CS		nh				5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11336151	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG NHUNG	CD11CS		nh				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11336153	NGUYỄN THỊ HUỖNH NHƯ	CD11CS							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11336154	PHẠM THỊ HOÀNG OANH	CD11CS						8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11336155	NGUYỄN MẠNH PHONG	CD11CS						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11336158	LÊ VĂN PHÚ	CD11CS						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 02

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11336244	HÀ THỊ PHƯƠNG	CD11CS		<i>[Signature]</i>				4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11336160	TRƯƠNG THỊ KIỀU	PHƯƠNG	CD11CS					6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11336161	LÊ THỊ BÍCH	PHƯƠNG	CD11CS	<i>[Signature]</i>				6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11336162	PHÙNG XUÂN	QUANG	CD11CS	<i>[Signature]</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11336163	TRẦN THANH	QUÂN	CD11CS	<i>[Signature]</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11336245	HUỲNH THỊ NGỌC	QUÍ	CD11CS					8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11336164	QUẢNG ANH	QUỐC	CD11CS	<i>[Signature]</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11336167	DƯƠNG CẦU	SIN	CD11CS					7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11336249	NGUYỄN ĐỨC	THÀNH	CD11CS	<i>[Signature]</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11336170	VĂN TRƯỜNG	THÀNH	CD11CS					6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11336147	TRƯƠNG THỊ THU	THẢO	CD11CS					5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11336173	PHAN NGỌC	THÂN	CD11CS					8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11336251	NGÔ ĐỨC	THẾ	CD11CS					7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11336176	TẶNG HOA	THIÊN	CD11CS					7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11336178	LÊ QUỐC	THỊNH	CD11CS	<i>[Signature]</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11336179	NGUYỄN TIẾN	THỊNH	CD11CS	<i>[Signature]</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11336180	NGUYỄN VĂN	THÔNG	CD11CS	<i>[Signature]</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11336252	ĐẶNG THỊ	THOM	CD11CS					8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
TS S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 02

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	11336181	NGUYỄN THỊ ÁNH THU	CD11CS						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11336253	TRỊNH CÔNG	CD11CS		Trình				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11336183	NGUYỄN THỊ LAM	CD11CS						6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	11336188	TRẦN QUANG	CD11CS		Trần				7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11336189	NGUYỄN THỊ NGỌC	CD11CS		Ngọc				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	11336190	HUỖNH THỊ	CD11CS		Huỳnh				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	11336255	LƯƠNG THANH	CD11CS		Thanh				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11336256	HUỖNH QUANG	CD11CS		Huỳnh				3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	11336191	ĐOÀN VÕ HUYỀN	CD11CS		Trang				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	11336192	HUỖNH ĐOAN	CD11CS		Huỳnh				5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	11336257	ĐẶNG THỊ	CD11CS		Trâm				4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	11336259	NGUYỄN GIOÁCH	CD11CS		Trần				6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	11336260	TÔ ĐÌNH	CD11CS		Đình				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	11336262	NGUYỄN CHÍ	CD11CS		Chí				4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	11336206	ĐẶNG ANH	CD11CS						7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	11336200	BÙI VĂN THANH	CD11CS		Thanh				4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	11336205	VŨ VĂN	CD11CS		Vũ				4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	11336263	VŨ MINH	CD11CS		Minh				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 02

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	11336209	VÕ THANH TỬU	CD11CS		<i>[Signature]</i>				8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	11336216	NGUYỄN THANH VŨ	CD11CS						9.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	11336218	TRẦN MINH VƯƠNG	CD11CS		<i>[Signature]</i>				6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	11336219	LÊ THẢO VY	CD11CS						8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	11336220	THỔ XUÂN	CD11CS		<i>[Signature]</i>				4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	11336224	NGUYỄN TRẦN NHƯ Ý	CD11CS							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	11336223	NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN	CD11CS						6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	10149140	LÊ THỊ KIỀU OANH	DH10QM		<i>[Signature]</i>				7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
81	11336023	Phạm Thành Nam	CD11CS		<i>[Signature]</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 15 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 06

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08117001	BÙI THỊ THÚY AN	DH08CT		<i>Thuy</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10145132	NÔNG THỊ THOẠI	DH10BV		<i>Thoi</i>				8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10171112	NGUYỄN THANH HƯNG	DH10KS		<i>Thuy</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10171064	LÊ THANH TÙNG	DH10KS		<i>Tung</i>				8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10149122	TRẦN THỊ KIM NGÂN	DH10QM						7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11125025	DƯƠNG TUẤN ANH	DH11BQ		<i>Tuan</i>				9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11125020	NGÔ THỊ NGỌC ÁNH	DH11BQ		<i>Anh</i>				8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11125029	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	DH11BQ		<i>Bich</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11125031	HOÀNG THỊ KIM CHI	DH11BQ		<i>Chi</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11125003	BÙI MINH CƯỜNG	DH11BQ		<i>Minh</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11125033	BÙI MINH CƯỜNG	DH11BQ							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11125035	CAO THỊ THÙY DUNG	DH11BQ		<i>Dung</i>				8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11125021	ĐẶNG THỊ THANH DUNG	DH11BQ		<i>Dung</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11125037	TRẦN NGỌC DUNG	DH11BQ		<i>Dung</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11125041	LÊ VĂN DŨNG	DH11BQ		<i>Dung</i>				8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11125042	TRẦN VĂN DŨNG	DH11BQ		<i>Dung</i>				8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11125039	NGUYỄN THỊ HỒNG DUYÊN	DH11BQ		<i>Duyen</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11125043	LÊ THỊ ĐÀO	DH11BQ		<i>Dao</i>				8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Thầy giáo Trần Văn Hùng
Nguyễn Văn Hùng



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02921

Trang 2/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 06

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11125004	NGUYỄN THỊ GIANG	DH11BQ		Giang				6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11125045	HỒ VIỆT HÀ	DH11BQ							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11125046	HUỖNH NGỌC HÀ	DH11BQ		Hà				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11125050	NGUYỄN THỊ HẠNH	DH11BQ		Hà				8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11125022	ĐẶNG THÁI HẬU	DH11BQ		Hậu				8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11125007	NGUYỄN MINH HIỀN	DH11BQ							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11125052	HOÀNG TIẾN HIẾU	DH11BQ		Hiếu				5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11125059	PHAN THỊ THU HƯỜNG	DH11BQ		Thu Hương				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11125061	LA QUỐC KHÁNH	DH11BQ		Quốc Khánh				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11125062	LÊ QUỐC KHÁNH	DH11BQ		Quốc Khánh				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11125063	NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU	DH11BQ		Thúy Kiều				6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11125065	NGUYỄN THỊ HỒNG LAM	DH11BQ		Hồng Lam				6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11125066	BÀN THỊ LAN	DH11BQ		Bàn Thị Lan				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11125070	VÕ THỊ THU LƯƠNG	DH11BQ		Thu Lương				8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11125009	NGUYỄN THỊ THÙY NGÂN	DH11BQ		Thùy Ngân				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11125010	NGUYỄN THỊ THÚY NGÂN	DH11BQ		Thùy Ngân				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11125075	HỒ TRỌNG NGHĨA	DH11BQ							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11125078	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH11BQ		Ngọc				5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 23 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thư
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Thư Trần Thị Thanh Hương
Thư Nguyễn Thị Hương

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 06

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11125011	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11125012	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11125013	TRẦN THỊ	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11125082	TRẦN THỊ NGỌC	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11125083	DƯƠNG THỊ KIỀU	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11125015	TRẦN NGUYỄN HỮU	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11125086	PHAN THỊ VIỆT	DH11BQ							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11125087	NGUYỄN SỸ	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11125016	TRẦN THỊ THẢO	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11125091	PHAN VĂN	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11125094	HOÀNG VĂN	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11125095	PHẠM THỊ THANH	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11125017	NGUYỄN HỮU	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11125097	NGUYỄN ĐĂNG PHÁT	DH11BQ							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11125100	HOÀNG THỊ	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11125103	NÔNG THỊ KIM	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11125023	NGUYỄN MINH	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11125019	BÙI THỊ HOÀNG	DH11BQ		<i>[Signature]</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
TRẦN NGỌC THÔNG

[Signature]
[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 06

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên										Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân											
										V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
55	11125005	TA ĐIỀN MINH HÀ	DH11TP							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
										V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
										V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
										V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
										V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
										V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
										V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
										V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
										V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
										V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
										V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
										V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
										V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
										V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
										V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
										V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9

Số bài:.....; Số tờ:.....

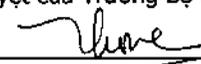
Cán bộ coi thi 1&2

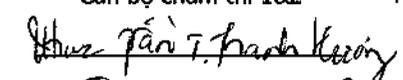
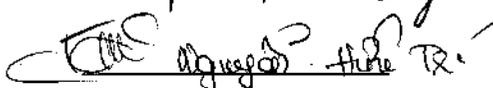
Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 23 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.


TR. LÊ NGỌC THÔNG



Nguyễn Văn Thanh TR.



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02931

Trang 1/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 16

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10148184	MAI THỊ KIỀU	OANH	DH10DD	<i>Janh</i>				8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10127072	NGUYỄN VIỆT	LÂM	DH10MT	<i>2</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10172066	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGÂN	DH10SM	<i>Ngoc</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10161053	NGUYỄN THỊ MỸ	HỨNG	DH10TA	<i>My</i>				8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10160126	BÙI BẢO	TRUNG	DH10TK	<i>Bai</i>				7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11157449	YA	GIÁNG	DH11DL					7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11157451	MÃ THỊ	HẠNH	DH11DL	<i>Ma</i>				7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11157398	NGUYỄN THÀNH	HÂN	DH11DL	<i>Ha</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11157450	TRIỆU MINH	HIẾU	DH11DL	<i>Minh</i>				8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11157402	NGUYỄN VĂN	HÓA	DH11DL						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11157452	TRƯƠNG THỊ	HỘI	DH11DL	<i>Hoi</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11157014	TRẦN THỊ ÁNH	HỒNG	DH11DL					5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11157145	HOÀNG THỊ	HUỆ	DH11DL					7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11157152	LÊ CAO THANH	HÙNG	DH11DL					9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11157149	NGUYỄN VŨ HOÀNG	HUY	DH11DL					7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11157017	TRẦN THỊ ÁNH	HUYỀN	DH11DL					9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11157157	NGUYỄN LÊ	HƯƠNG	DH11DL						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11157159	PHẠM THỊ THU	HƯỜNG	DH11DL					6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thư
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Phạm Nguyễn Thị Mai

Phạm Văn Thanh Hùng



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02931

Trang 2/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 16

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11157018	NGUYỄN MINH THÙY KHANH	DH11DL		<i>Th</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11157160	NGUYỄN XUÂN KHANH	DH11DL						7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11157162	ĐÀO ĐÌNH KHÁNH	DH11DL		<i>Khánh</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11157163	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG KHÁNH	DH11DL						5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11157164	TRẦN SONG KHÔI	DH11DL		<i>Song</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11157165	TRƯƠNG VĂN KHƯƠNG	DH11DL						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11157167	HUỶNH THỊ KIỀU	DH11DL						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11157168	VÕ THỊ DIỆM KIỀU	DH11DL		<i>Diem</i>				9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11157406	ĐỖ THỊ LAN	DH11DL		<i>Lan</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11157170	NGUYỄN THỊ NGỌC LÂN	DH11DL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11157019	ĐÀO THANH LÂM	DH11DL		<i>Thanh</i>				6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11157171	VĂN CÔNG LÂN	DH11DL						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11157173	HUỶNH THỊ LỆ	DH11DL						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11157174	ĐẶNG THỊ LIÊN	DH11DL						9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11157175	PHẠM THỊ LIÊN	DH11DL		<i>Phu</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11157176	BÙI THỊ THÙY LINH	DH11DL						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11157177	LÂM THỊ THÙY LINH	DH11DL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11157020	NGUYỄN HOÀNG DIỆM LINH	DH11DL						8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Phu
Phụ trách chấm thi

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 16

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11157179	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	DH11DL		<i>Thùy</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11157181	TRỊNH THỊ ÁI LINH	DH11DL						8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11157408	HỒ HUỖNH LONG	DH11DL		<i>Long</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11157187	NGUYỄN THỊ LÝ	DH11DL		<i>Nguyễn Thị Lý</i>				7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11157188	LÊ THỊ NGỌC MAI	DH11DL		<i>Ngọc Mai</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11157191	NGUYỄN TĂNG MẾN	DH11DL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11157192	TRẦN QUANG MINH	DH11DL		<i>Minh</i>				8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11157193	HUỖNH VĂN MỚI	DH11DL						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11157195	THÔNG THỊ ĐIỂM MY	DH11DL						9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11157201	VÕ HOÀNG NAM	DH11DL		<i>Nam</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11157202	ĐỖ VĂN NĂNG	DH11DL		<i>Năng</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11157205	HUỖNH NHƯ NGÂN	DH11DL		<i>Như Ngân</i>				6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11157207	NGUYỄN THÀNH KIM NGÂN	DH11DL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11157210	LÊ MÃN NGHI	DH11DL		<i>Ngô</i>				5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11157211	HỒ NGỌC NGHĨA	DH11DL		<i>Hồ Ngọc Nghĩa</i>				6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11157215	HỒ MINH NGỌC	DH11DL						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11157375	NGUYỄN THỊ THÚY NGỌC	DH11DL						8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11157412	NGUYỄN VĂN NGỌC	DH11DL		<i>Ngô</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thông
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Thông
Hùng Giảng: Thành Hưng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 16

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	11157217	PHẠM THỊ KIM NGỌC	DH11DL		<i>[Signature]</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11157218	TRẦN LÊ HỒNG NGỌC	DH11DL		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11157376	NGUYỄN HOÀNG THẢO NGUYỄN	DH11DL						8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	11157222	NGUYỄN TRẦN BẢO NGUYỄN	DH11DL						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11157223	PHẠM THỊ THANH NGUYỄN	DH11DL		<i>[Signature]</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	11157415	HỒ THỊ ANH NGUYỆT	DH11DL		<i>[Signature]</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	11157225	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	DH11DL						8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11157227	PHẠM THỊ YẾN NHI	DH11DL		<i>[Signature]</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	11157228	TRẦN THỊ KIỀU NHI	DH11DL		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	11157377	ĐẶNG THỊ NHUNG	DH11DL		<i>[Signature]</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	11157416	LÊ THỊ MỸ NHUNG	DH11DL						5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	11157417	TRẦN THỊ MỸ NHƯ	DH11DL						7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
TR. S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]
Phạm Thị Thanh Hương

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 36

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10212001	NGUYỄN TUẤN ANH	TC10TY		<i>Anh</i>				6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10212002	TỪ YẾN	TC10TY		<i>Yen</i>				9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10212003	PHẠM THANH BÌNH	TC10TY		<i>Thanh</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10212005	NGUYỄN QUANG CHÍNH	TC10TY		<i>Chinh</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10212004	NGUYỄN THÀNH CÔNG	TC10TY		<i>Thanh</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10212006	NGUYỄN VĂN DŨNG	TC10TY		<i>Dung</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10212007	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC DUY	TC10TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10212008	PHẠM ANH ĐỨC	TC10TY		<i>Duc</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10212009	NGUYỄN THỊ NGUYỄN HẠNH	TC10TY		<i>Hanh</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10212010	NGUYỄN THÁI HẬU	TC10TY		<i>Hau</i>				8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10212011	BÙI HỒ ANH HIẾU	TC10TY		<i>Anh</i>				4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10212012	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	TC10TY		<i>Truong</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10212013	NGUYỄN BẢO HOÀI	TC10TY		<i>Hai</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10212014	PHẠM SỸ HOÀNG	TC10TY		<i>Sy</i>				3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10212015	TRẦN ĐÌNH HOÀNG	TC10TY		<i>Hong</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10212016	TRỊNH MINH HOÀNG	TC10TY		<i>Minh</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10212017	PHẠM CÔNG TUẤN HÙNG	TC10TY		<i>Hung</i>				5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10212018	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	TC10TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 11 tháng 12 năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Trần Thị Mai

2011

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 36

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10212019	NGUYỄN QUỐC HƯỜNG	TC10TY		<i>Huong</i>				5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10212020	NGUYỄN MINH KHÔI	TC10TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10212021	NGUYỄN THỊ MỸ	TC10TY		<i>My</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10212022	BÙI THỊ LOAN	TC10TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10212023	NGUYỄN NHƯ LỘC	TC10TY		<i>Loc</i>				8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10212024	NGUYỄN TẤN LỘC	TC10TY		<i>Tan</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10212025	TRẦN DUY LỘC	TC10TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10212026	ĐỖ KIM MINH	TC10TY		<i>Kim</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10212027	NGUYỄN ĐỨC MINH	TC10TY		<i>Duc</i>				5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10212028	PHAN LÊ NHẬT MINH	TC10TY		<i>Minh</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10212029	PHẠM THỊ BÍCH NGÂN	TC10TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10212030	BÙI THỊ NHƯ NGUYỆT	TC10TY		<i>Nhu</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10212031	MAI THÀNH NHÂN	TC10TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10212032	TRẦN THẾ NHÂN	TC10TY		<i>Thuan</i>				5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 11 tháng 12 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TR.S. LÊ NGỌC THÔNG

Phan *Ng. T. Mai*

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 37

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10212064	BAN VĂN ĐẠT	TC10TY		<i>Ban Văn Đạt</i>				9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10212033	TRẦN QUAN	TC10TY		<i>Trần Quan</i>				5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10212034	HOÀNG ĐẠI	TC10TY		<i>Hoàng Đại</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10212035	PHAN THÁI	TC10TY							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10212036	TRẦN HOÀNG	TC10TY		<i>Trần Hoàng</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10212037	PHẠM NGÔ ANH	TC10TY							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10212038	NGUYỄN PHÚ	TC10TY							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10212039	LÊ THỊ NHƯ	TC10TY		<i>Le Thi Nhu</i>				5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10212040	TRƯƠNG HOÀNG	TC10TY		<i>Truong Hoang</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10212041	NGUYỄN ĐỨC	TC10TY		<i>Nguyen Duc</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10212042	TRƯƠNG VĂN	TC10TY		<i>Truong Van</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10212043	NGUYỄN TRƯỜNG DUY	TC10TY		<i>Nguyen Truong Duy</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10212044	TRẦN MINH	TC10TY		<i>Tran Minh</i>				6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10212045	NGUYỄN DUY	TC10TY							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10212046	LÙ QUANG	TC10TY		<i>Lu Quang</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10212047	DIỆP QUANG	TC10TY		<i>Diep Quang</i>				6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10212048	LA QUANG	TC10TY		<i>La Quang</i>				8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10212049	NGUYỄN XUÂN	TC10TY		<i>Nguyen Xuan</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 11 tháng 12 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Trần Thị Mai
Nguyễn Thị Mai

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 37

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10212050	NGUYỄN THUẬN	TC10TY		<i>[Signature]</i>				3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10212051	NGÔ QUỐC THUẬN	TC10TY		<i>[Signature]</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10212052	PHẠM QUANG THƯỚC	TC10TY		<i>[Signature]</i>				3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10212053	NGUYỄN THÀNH THƯƠNG	TC10TY							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10212055	BÙI NHẬT TIẾN	TC10TY		<i>[Signature]</i>				8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10212054	ĐỖ NGỌC TIẾN	TC10TY		<i>[Signature]</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10212065	VÕ ĐỨC TOÀN	TC10TY							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10212056	VĂN QUỐC TRÂM	TC10TY		<i>[Signature]</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10212057	THÁI TRỌNG TRÍ	TC10TY		<i>[Signature]</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10212066	NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH	TC10TY		<i>[Signature]</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10212058	HUỲNH VĂN TUẤN	TC10TY		<i>[Signature]</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10212059	NGUYỄN KHÁNH VĂN	TC10TY							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10212060	TRẦN XUÂN VINH	TC10TY		<i>[Signature]</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10212061	TRẦN XUÂN VƯƠNG	TC10TY							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	10212062	LÊ MINH XUYỀN	TC10TY		<i>[Signature]</i>				7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10212063	TRẦN NHƯ Ý	TC10TY		<i>[Signature]</i>					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 11 tháng 12 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]
Nguyễn Thị Mai

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 27

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09128114	HỒ VĂN CẦU	DH09SP						8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11132016	TRẦN DUY BÌNH	DH11SP		<i>Trần Duy Bình</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11132036	LÊ THANH ĐIỀU	DH11SP		<i>Thanh Điều</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11132029	TRẦN QUANG DUY	DH11SP		<i>Trần Duy</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11132002	LÊ QUANG ĐẠT	DH11SP		<i>Đạt</i>				5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11132038	VÕ MINH HIẾU	DH11SP		<i>Minh</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11132032	HỒNG BẢO HƯNG	DH11SP		<i>Bảo Hưng</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11132031	LÊ THIÊN HƯƠNG	DH11SP							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11132028	PHẠM THỊ LÀI	DH11SP		<i>Lài</i>				6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11132019	HUỲNH THỊ LANG	DH11SP		<i>Lang</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11132008	VŨ THỊ OANH	DH11SP		<i>Oanh</i>				8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11132018	ĐẶNG CÔNG PHONG	DH11SP		<i>Phong</i>				8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11132033	BÙI CHÍ SƠN	DH11SP		<i>Chi Sơn</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11132014	CAO THỊ THANH	DH11SP		<i>Thanh</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11132012	HUỲNH NGỌC THẬN	DH11SP		<i>Thận</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11132013	ĐẶNG THỊ NGỌC THIỆP	DH11SP		<i>Thiệp</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11132035	TRẦN THỊ NGỌC TRANG	DH11SP		<i>Trang</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11132025	PHAN THỊ THÚY VI	DH11SP		<i>Thúy Vi</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thông
TR.S. LÊ NGỌC THÔNG

Nguyễn Thị Phương



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02946

Trang 1/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 31

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11156001	NGUYỄN XUÂN HOÀI	ÂN							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11156004	BÙI THỊ BẢO	CHÂU							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11156096	NGUYỄN THỊ QUẢN	AN		<i>[Signature]</i>				5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11156018	ĐẶNG THỊ	ANH		<i>[Signature]</i>				8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11156019	HUYỀN TUẤN	ANH		<i>[Signature]</i>				4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11156020	MAI PHƯƠNG	ANH		<i>[Signature]</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11156021	VŨ THỊ HỒNG	ANH		<i>[Signature]</i>				8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11156022	NGÔ THỊ THÙY	ÂN						7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11156024	LÊ THỊ NGỌC	CHÂU		<i>[Signature]</i>				8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11156098	NGUYỄN THỊ MỸ	DIỆM		<i>[Signature]</i>				6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11156026	CAO THỊ THÙY	DUNG		<i>[Signature]</i>				5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11156029	DƯ THỊ	GIÀU		<i>[Signature]</i>				4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11156099	ĐẶNG THỊ	HA		<i>[Signature]</i>				8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11156005	ĐÀO THỊ TÂM	HẠNH		<i>[Signature]</i>				8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11156034	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỆP		<i>[Signature]</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11156101	VŨ THỊ	HIỆU		<i>[Signature]</i>				4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11156103	VŨ THỊ LINH	KHA		<i>[Signature]</i>				8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11156037	TÔ NHẬT	KHÔI		<i>[Signature]</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature] *[Signature]*

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 31

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11156038	VÕ THỊ KÍNH	DH11VT		<i>Kinh</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11156009	HUỖNH THỊ KIM	DH11VT		<i>Kim</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11156104	NGUYỄN THỊ MỸ	DH11VT		<i>Mỹ</i>				5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11156039	NGUYỄN THỊ ÁI	DH11VT		<i>Ai</i>				7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11156011	NGUYỄN THỊ LỰA	DH11VT		<i>Lua</i>				4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11156010	NGUYỄN THỊ THÚY	DH11VT		<i>Thuy</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11156043	VÕ THỊ THẢO	DH11VT		<i>Thao</i>				4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11156012	NGUYỄN THỊ HUỖNH	DH11VT		<i>Huynh</i>				8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11156047	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH11VT		<i>Ngoc</i>				6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11156107	NGUYỄN THỊ THÙY	DH11VT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11156051	NGUYỄN THỊ HỒNG	DH11VT		<i>Hong</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11156052	VÕ HỒNG PHỤNG	DH11VT		<i>Phung</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11156054	NGUYỄN THỊ NGÂN	DH11VT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11156057	NGUYỄN THỊ SÂM	DH11VT		<i>Sam</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11156095	HUỖNH DUY	DH11VT		<i>Duy</i>				8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11156059	TRẦN HÀ	DH11VT		<i>Ha</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11156061	THỔ THỊ MỸ	DH11VT		<i>My</i>				5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11156114	ĐỖ THỊ THÁNH	DH11VT		<i>Thanh</i>				6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 31

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11156115	LÊ THỊ THẢO	DH11VT		<i>Thảo</i>				5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11156064	NGUYỄN NGỌC THẢO	DH11VT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11156066	NINH PHƯƠNG THÚY	DH11VT		<i>Ph</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11156067	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THƯ	DH11VT		<i>Thu</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11156068	TRẦN THỊ ANH THƯ	DH11VT		<i>An</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11156069	TRẦN ANH THƯƠNG	DH11VT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11156070	TRẦN DIỄM HOÀI THƯƠNG	DH11VT		<i>Hoai</i>				5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11156071	NGUYỄN THỊ NGỌC TIÊN	DH11VT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11156013	KIỀU TRANG	DH11VT		<i>Tr</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11156075	MẠC THỊ HUYỀN TRANG	DH11VT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11156080	HỒ VŨ QUỐC TRUNG	DH11VT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11156014	ĐỖ THỊ MỸ TÚ	DH11VT		<i>My</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11156083	LÊ THANH TÙNG	DH11VT		<i>Thu</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11156086	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	DH11VT		<i>Hong</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thore
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Lê Ngọc Thông
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02918

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 03

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn
1	08117009	TRẦN PHẠM THÙY ANH	DH08CT						7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	08117021	HUỖNH THỊ BÉ DIỄM	DH08CT						8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	08117029	NGUYỄN NGỌC HẠNH DUYẾN	DH08CT						7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	08117036	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	DH08CT						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	08117045	LÊ NGỌC HÂN	DH08CT						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	08117050	HUỖNH THỊ HIỀN	DH08CT						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	08117055	PHẠM THỊ HIỀN	DH08CT						7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	08117061	MAI LÊ NGỌC HIỀN	DH08CT						8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	08117057	NGUYỄN THỊ THU HIẾU	DH08CT						7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	08117066	NGUYỄN PHI HỒ	DH08CT						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	08117076	VÕ VĂN HÙNG	DH08CT						8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	08117080	MẠC VĂN HỮU	DH08CT						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	08117081	ĐỖ DUY KHANH	DH08CT						8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	08117085	CAO ĐÌNH KHOA	DH08CT						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	08117093	NGUYỄN VĂN LÂM	DH08CT						6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	08117106	TRẦN VĂN LONG	DH08CT						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	08117109	LÊ ĐỨC LỘC	DH08CT						9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	08117134	NGUYỄN THỊ NHÂN	DH08CT						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

TH.S. NGUYỄN THỊ HỮU

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 03

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08117142	HỒ NGỌC PHÁT	DH08CT						7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	08117147	NGUYỄN THỊ BÍCH	DH08CT						8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	08117160	TRẦN THANH	DH08CT						7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	08117168	TRẦN THỊ MINH	DH08CT						7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	08117182	PHẠM HỒNG	DH08CT						6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	08117171	NGUYỄN THỊ KIM	DH08CT						8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	08117174	NGUYỄN TẤN	DH08CT						8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	08117178	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DH08CT						8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	08117183	LÊ THỊ HOÀNG	DH08CT						8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	08117193	HUỖNH THỊ	DH08CT						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	08117195	HỒ THỊ KIM	DH08CT						9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	08117201	HỨA THỊ MỸ	DH08CT						7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	08117211	HỒ THỊ THÙY	DH08CT						7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	08117212	PHẠM THỊ	DH08CT						9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	08117215	DƯƠNG ĐĂNG	DH08CT						6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	08117217	LÊ THẢO	DH08CT						8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	08117222	LÂM THANH	DH08CT						9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	08117227	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH08CT						7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Nguyễn Hữu Đức

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 29

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09114081	THẠCH HỒNG HẢO	DH09TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10149087	NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU	DH10QM		<i>Thuy Kieu</i>				8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11112049	LÂM NGỌC THÚY AN	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11112001	BÙI PHƯƠNG ANH	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11112052	NGUYỄN HỮU TUẤN ANH	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11112053	TRẦN NGỌC TRÂM ANH	DH11TY		<i>Tram</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11112002	TRẦN VĂN ANH	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11112056	LÊ QUỐC BẢO	DH11TY		<i>Bao</i>				6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11112061	TRỊNH VĂN BÌNH	DH11TY		<i>Binh</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11112063	CÚN CHẠC CHIẾN	DH11TY		<i>Chy</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11112004	HỒ LÊ KIỀU DIỄM	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11112066	TỬ CHÍ DIỆU	DH11TY		<i>Chi</i>				6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11112005	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11112074	TRƯƠNG HÙNG DŨNG	DH11TY		<i>Hung</i>				8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11112069	HOÀNG VƯƠNG TƯỜNG DUY	DH11TY		<i>Tuong</i>				7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11112070	NGUYỄN QUANG DUY	DH11TY		<i>Quang</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11112071	VŨ HOÀNG DUY	DH11TY		<i>Huang</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11112072	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	DH11TY		<i>Mel</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 29

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11112006	LÊ VĂN DƯƠNG	DH11TY		<i>[Signature]</i>				5,7	V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
20	11112076	TÔ HOÀI	DH11TY		<i>[Signature]</i>				4,5	V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
21	11112077	TRẦN BÁ THÙY	DH11TY		<i>[Signature]</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
22	11112078	TRINH XUÂN	DH11TY		<i>[Signature]</i>				7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11112079	TRẦN ĐỨC	DH11TY		<i>[Signature]</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
24	11112080	NGUYỄN VĂN ĐẠT	DH11TY		<i>[Signature]</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11112082	PHẠM LÊ TIẾN	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11112083	NGUYỄN MINH ĐĂNG	DH11TY		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11112084	NGUYỄN NGỌC HẢI	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11112007	NGUYỄN THÀNH ĐÔN	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11112088	VÕ VĂN TUẤN	EM		<i>[Signature]</i>				6,6	V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
30	11112008	PHAN BÁO	GHI		<i>[Signature]</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
31	11112009	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	DH11TY		<i>[Signature]</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
32	11112010	NGUYỄN NGỌC DUYÊN	HƯƠNG							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11112011	NGUYỄN NHỰT KHANG	DH11TY		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11112012	NGUYỄN VŨ MINH KHANG	DH11TY							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11112013	NGUYỄN ĐỨC KHÁNH	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11112014	HUỶNH NHẬT LUÂN	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 29

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11112015	HUYỀN MAI	DH11TY		<i>[Signature]</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11112016	ĐÌNH HOÀNG MI MI	DH11TY						6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11112018	NGUYỄN KIỀU MY	DH11TY		<i>[Signature]</i>				3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11112019	TÔ KIỀU NGUYỄN	DH11TY		<i>[Signature]</i>				4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11112022	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	DH11TY		<i>[Signature]</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11112023	NGUYỄN HỮU PHÚC	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11112048	LÊ HOÀNG MINH PHƯƠNG	DH11TY		<i>[Signature]</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11112024	NGUYỄN TRẦN HOÀNG SƠN	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11112025	LÊ ĐĂNG VĨNH TÂM	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11112026	NGUYỄN DƯƠNG TÂM	DH11TY		<i>[Signature]</i>				6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11112027	TRẦN THỊ TÂM	DH11TY		<i>[Signature]</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11112028	NGUYỄN VĂN THÀNH	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11112029	SÀN NGỌC THẮNG	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11112031	NGUYỄN THỊ CẨM THƠ	DH11TY		<i>[Signature]</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11112032	VÕ LÊ THUẬN	DH11TY		<i>[Signature]</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11112034	LƯU HOÀNG THIÊN TRỊ	DH11TY		<i>[Signature]</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11112035	HỒ NGUYỄN TRẦN TRUNG	DH11TY						6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11112041	TẶNG HUỖNH TUẤN TÚ	DH11TY		<i>[Signature]</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 29

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	11112036	BÙI QUANG TUẤN	DH11TY		<i>BK</i>				6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11112037	TRẦN TRỌNG TUẤN	DH11TY		<i>Trần Trọng Tuấn</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11112038	NGUYỄN THỊ THANH TUYẾN	DH11TY		<i>NTT</i>				4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	11112040	NGUYỄN MINH TUYẾN	DH11TY		<i>Nguyễn Minh Tuấn</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11112042	PHẠM VŨ THÙY VÂN	DH11TY		<i>PV</i>				8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	11112046	LÊ XUÂN VIỆT	DH11TY		<i>LX</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	11112043	SÚ HỸ XUNG	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11112044	NGUYỄN THỤY HUỖNH YẾN	DH11TY		<i>NTH</i>				4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng // năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 19

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10336003	NGUYỄN CÔNG CÂM	CD10CS		<i>Châm</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10336059	KIỀU VĂN HỢI	CD10CS		<i>Hội</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10336115	HỨA KIỀU NỮ YẾN	CD10CS		<i>Yến</i>				6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10149070	LÊ THỊ HỘI	DH10QM		<i>Hội</i>				8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10149092	TRƯƠNG HOÀNG LÂM	DH10QM		<i>Lâm</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10149137	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	DH10QM		<i>Hồng</i>				5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11171009	NGUYỄN VĂN BA	DH11KS		<i>Ba</i>				8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11171001	MAI THỊ CHI	DH11KS		<i>Chi</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11171122	BÙI VĂN CƯỜNG	DH11KS		<i>Cường</i>				5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11171011	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	DH11KS		<i>Cường</i>				5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11171123	TRƯƠNG THỊ CƯỜNG	DH11KS		<i>Cường</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11171125	NGUYỄN TUẤN DÂN	DH11KS		<i>Dân</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11171104	TRƯƠNG NGỌC ĐIỀU	DH11KS		<i>Điều</i>				9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11171013	HỒ NGỌC DÌN	DH11KS		<i>Dìn</i>				8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11171002	LÊ THỊ KIM DUNG	DH11KS		<i>Dung</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11171019	ĐẶNG TIẾN DŨNG	DH11KS		<i>Dũng</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11171016	TRẦN ĐÌNH THẾ DUY	DH11KS		<i>Duy</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11171018	VÕ THỊ XUÂN DUYÊN	DH11KS		<i>Duyên</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Lê Ngọc Thông
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Phạm Thị Huyền
Nguyễn Hòa Đức



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 19

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11171128	LƯƠNG TẤN ĐẠT	DH11KS						6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11171129	TRẦN NGỌC ĐẤU	DH11KS						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11171024	LÊ THỊ ĐÓ	DH11KS						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11171025	NGUYỄN ANH ĐỨC	DH11KS						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11171026	VĂN CÔNG ĐỨC	DH11KS						6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11171130	LÊ THỊ THU HÀ	DH11KS						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11171028	NGÔ THỊ THÚY HẰNG	DH11KS						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11171031	THẬP MINH HOÀNG	DH11KS							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11171036	NGUYỄN THỊ DIỆM HƯƠNG	DH11KS						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11171039	TRẦN HOÀNG KHANG	DH11KS						7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11171133	VÕ DUY KHƯƠNG	DH11KS						6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11171135	NGUYỄN THỊ LÊ	DH11KS						5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11171045	HÀ THỊ KIM LIÊN	DH11KS						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11171105	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	DH11KS						9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11171048	TRẦN VIỆT LOAN	DH11KS						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11171050	NGUYỄN THÀNH LỢI	DH11KS						6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11171053	HOÀNG THỊ THANH MAI	DH11KS						4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11171137	THÁI HỮU MINH	DH11KS							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

T.M.S. LÊ NGỌC THÔNG

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 19

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11171054	CAO THỊ QUẾ MY	DH11KS		<i>Quế My</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11171138	HÀ VĂN NAM	DH11KS		<i>Hà Văn Nam</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11171055	NGUYỄN CHÂU NGÂN	DH11KS		<i>Nguyễn Châu Ngân</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11171058	MAI HỒNG NHUNG	DH11KS		<i>Mai Hồng Nhung</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11171059	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	DH11KS							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11171106	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	DH11KS		<i>Nguyễn Thị Hồng Nhung</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11171060	TRẦN THỊ NHUNG	DH11KS		<i>Trần Thị Nhung</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11171061	ĐẶNG NGỌC KHÁNH NHƯ	DH11KS							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11171108	NGUYỄN VĂN NHỰT	DH11KS		<i>Nguyễn Văn Nhựt</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11171140	HUỖNH TẤN PHÁT	DH11KS		<i>Huỳnh Tấn Phát</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11171141	LÊ VĂN PHỤNG	DH11KS		<i>Nguyễn Huệ</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11171066	TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG	DH11KS		<i>Trần Thị Mai Phương</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11171070	NGUYỄN VĂN QUÝ	DH11KS		<i>Nguyễn Văn Quý</i>				4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11171109	CHÂU SĨ	DH11KS		<i>Châu Sĩ</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11171111	HÀ THỊ THANH THẢO	DH11KS							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11171075	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	DH11KS		<i>Nguyễn Thị Phương Thảo</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11171144	HỒ PHI THÂN	DH11KS		<i>Hồ Phi Thân</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11171004	NGÔ THỊ THANH THẾ	DH11KS		<i>Ngô Thị Thanh Thế</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thư
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Phạm Thị Huyền
Nguyễn Thị Huyền



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 19

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	11171112	LÂM PHÁT	THUẬN	DH11KS	<i>[Signature]</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11171082	LÊ THỊ	THÚY	DH11KS	<i>[Signature]</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11171145	CAO HOÀI	THƯƠNG	DH11KS	<i>[Signature]</i>				8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	11171086	LÊ TRUNG	TÍNH	DH11KS						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11171088	ĐOÀN KHANG	TRANG	DH11KS	<i>[Signature]</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	11171005	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	DH11KS	<i>[Signature]</i>				8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	11171147	LÊ MINH	TÚ	DH11KS	<i>[Signature]</i>				4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11171116	LÊ THỊ CẨM	TÚ	DH11KS	<i>[Signature]</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	11171093	MAI XUÂN	TUYÊN	DH11KS	<i>[Signature]</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	11171096	VŨ THỊ	TUYẾT	DH11KS	<i>[Signature]</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	11171098	ĐÌNH THỊ	VÂN	DH11KS	<i>[Signature]</i>				3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	11171099	LÊ NGỌC	VINH	DH11KS	<i>[Signature]</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	11171102	TRẦN THỊ	YẾN	DH11KS						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
TR. S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 33 20240

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11157311	LÊ MINH TOÀN	DH11DL						9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11157324	PHẠM THỊ TRÀ	DH11DL						8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11157313	ĐỖ NGỌC THIÊN TRANG	DH11DL		<i>Trần</i>				8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11157315	HOÀNG THỊ MINH TRANG	DH11DL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11157316	LÊ THỊ THU TRANG	DH11DL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11157438	NGUYỄN THỊ TRANG	DH11DL						7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11157318	NGUYỄN THỊ QUÝ TRANG	DH11DL		<i>Trần</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11157321	PHẠM THỊ TRANG	DH11DL		<i>phong</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11157322	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	DH11DL						6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11157326	NGÔ THỊ QUẾ TRÂM	DH11DL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11157037	NGUYỄN THỊ HOA TRÂM	DH11DL						6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11157328	TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	DH11DL						8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11157333	NGUYỄN TRÍ	DH11DL						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11157334	NGUYỄN TRỌNG TRÍ	DH11DL		<i>Trần</i>				8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11157038	NGUYỄN THỊ THÚY TRIỀU	DH11DL		<i>Trần</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11157039	HUỲNH ĐĂNG ĐIỂM TRINH	DH11DL						7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11157040	NGUYỄN THỊ LỆ TRINH	DH11DL		<i>Trần</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11157332	VÕ THỊ HOÀNG TRINH	DH11DL						8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Trần
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Trần
Trần Văn Hoàng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 33

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11157041	ĐẶNG PHƯƠNG	TRÚC	DH11DL						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11157337	LÊ THỊ ANH	TRÚC	DH11DL					6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11157338	LÊ THỊ THANH	TRÚC	DH11DL						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11157339	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TRÚC	DH11DL					8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11157042	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	DH11DL					8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11157441	PHAN THANH CẨM	TRÚC	DH11DL						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11157340	TRƯƠNG THANH	TRÚC	DH11DL					8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11157336	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	DH11DL					8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11157341	PHẠM THỊ NGỌC	TRƯỜNG	DH11DL					6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11157381	NGUYỄN QUỐC	TÚ	DH11DL					9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11157344	NGUYỄN MINH	TUẤN	DH11DL						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11157442	NGUYỄN PHƯỚC	TUẤN	DH11DL					5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11157043	PHAN NGỌC	TUẤN	DH11DL					5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11157346	DƯƠNG TRỌNG	TUỆ	DH11DL					8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11157351	BÙI MINH	TÙNG	DH11DL					6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11157044	NGUYỄN THANH	TUYÊN	DH11DL					4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11157347	NGUYỄN THỊ	TUYÊN	DH11DL					8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11157349	HỒ MỸ	TUYẾT	DH11DL					7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

TH.S. Trần Thị Thanh Hương

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 33

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11157350	HỨA THỊ TUYẾT	DH11DL						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11157443	TRẦN NGUYỄN TƯỜNG	DH11DL						8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11157354	NGUYỄN VĂN TÝ	DH11DL						8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11157053	NGUYỄN THỊNH VĂN	DH11DL						8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11157356	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	DH11DL						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11157357	PHẠM THỊ BÍCH VÂN	DH11DL						7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11157360	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VI	DH11DL						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11157045	TRẦN THỊ LÂM VIÊN	DH11DL						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11157365	NGUYỄN THỊ THÙY VƯƠNG	DH11DL						8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11157367	LÊ THỊ TƯỜNG VY	DH11DL						8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11157368	HỒNG HOA XINH	DH11DL						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11157369	ĐẶNG THỊ XUÂN	DH11DL						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11157370	LÊ THỊ HỒNG XUÂN	DH11DL						8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11157371	LÊ THỊ KIM YẾN	DH11DL						7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11157372	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	DH11DL						7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

TH. S. TRẦN THỊ THANH HƯƠNG

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 09

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10116038	MAI HƯNG HẬU	DH10NT		<i>[Signature]</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10149008	THẬP TUẤN ANH	DH10QM		<i>[Signature]</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11145239	BÙI QUỐC ANH	DH11BV						5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11145208	LÊ THÁI HOÀNG ANH	DH11BV							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11145241	DƯƠNG HỮU CƯỜNG	DH11BV						4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11145242	ĐỒNG QUANG CƯỜNG	DH11BV						5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11145209	PHẠM THÀNH DUYÊN	DH11BV							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11145068	VÕ ĐỒNG ĐEN	DH11BV						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11145243	NGUYỄN THÁI KHÁNH ĐOAN	DH11BV						4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11145069	NGUYỄN THỊ THÚY ĐUA	DH11BV						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11145071	NGUYỄN ANH ĐỨC	DH11BV						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11145072	NGUYỄN THỊ CẨM GIANG	DH11BV						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11145073	NGUYỄN VĂN GIÀU	DH11BV						5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11145074	NGUYỄN KHẮC HÀ	DH11BV						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11145076	TRIỆU PHÚC HẢI	DH11BV						6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11145078	PHẠM PHAN HIỀN TUY HẠNH	DH11BV		<i>[Signature]</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11145077	LÊ THỊ NGỌC HẢO	DH11BV						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11145079	NGÔ BÀ HẬU	DH11BV						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 09

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11145212	NGUYỄN PHƯỚC HẬU	DH11BV						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11145080	TRƯƠNG HỮU HIỀN	DH11BV						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11145083	PHẠM THANH HOÀI	DH11BV						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11145244	DƯƠNG VĂN HOÀNG	DH11BV						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11145213	NGUYỄN THÀNH HƠN	DH11BV						9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11145086	NGUYỄN THANH HUỆ	DH11BV						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11145089	ĐỖ XUÂN HÙNG	DH11BV		<i>Đỗ Xuân Hùng</i>				6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11145090	PHAN MẠNH HÙNG	DH11BV						5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11145215	NGUYỄN QUỐC HUY	DH11BV						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11145087	LƯU NGỌC HUYỀN	DH11BV		<i>Lưu Ngọc Huyền</i>				6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11145088	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	DH11BV						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11145091	TRẦN HÒA HƯNG	DH11BV							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11145092	HUỲNH THỊ CẨM HƯƠNG	DH11BV						5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11145216	TRIỆU PHÚ HỮU	DH11BV		<i>Triệu Phú Hữu</i>				8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11145095	NGUYỄN MINH ĐĂNG KHOA	DH11BV		<i>N.M.Đ.K</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11145096	VÕ ANH KHOA	DH11BV		<i>Võ Anh Khoa</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11145097	VÕ MINH KHÔI	DH11BV							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11145217	TẶNG KIM	DH11BV		<i>Tặng Kim</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thore
TH. S. LÊ NGỌC THÔNG

Trần Thị Ngọc Huyền
Khoa Nguyễn Đức Tài

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 09

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11145098	HUỖNH THỊ	KMARAMM	DH11BV					9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11145263	LÊ THỊ HỒNG	LAN	DH11BV					8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11145218	VÕ ĐÌNH	LÂM	DH11BV					9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11145101	BÙI THỊ MỸ	LINH	DH11BV					7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11145264	LÊ THỊ THÙY	LINH	DH11BV					8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11145102	MAI KHÁNH	LINH	DH11BV					7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11145103	TRẦN HOÀI	LINH	DH11BV					8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11145104	LÊ THÀNH	LONG	DH11BV					6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11145247	NGUYỄN THANH	LUẬN	DH11BV					7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11145110	HÀ THỊ THANH	MAI	DH11BV					9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11145111	HUỖNH	MAI	DH11BV					5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11145112	LÊ	MINH	DH11BV					7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11145219	NGUYỄN CÔNG	MINH	DH11BV					8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11145220	NGUYỄN LÊ	MINH	DH11BV					7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11145115	TRẦN THỊ TRÀ	MY	DH11BV					8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11145116	NGUYỄN THỊ	NGA	DH11BV					8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11145117	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGA	DH11BV					8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11145262	TRIỆU THỊ MINH	NGA	DH11BV					8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 09 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 09

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	11145223	NGUYỄN NGỌC NGHĨA	DH11BV		<i>[Signature]</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11145120	LÊ THANH	DH11BV		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11145122	TRẦN KHÔI	DH11BV							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	11145123	NGUYỄN MINH NHẬT	DH11BV		<i>[Signature]</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11145124	ĐẶNG THỊ HỒNG	DH11BV		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	11145125	HUỖNH VĂN NHỚ	DH11BV		<i>[Signature]</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	11145224	TRẦN THỊ TUYẾT	DH11BV							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11145126	PHAN THỊ QUỲNH	DH11BV		<i>[Signature]</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	11145248	BẠCH THỊ NỮ	DH11BV		<i>[Signature]</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	11145128	NGUYỄN THANH PHONG	DH11BV		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	11145249	NGUYỄN THANH PHONG	DH11BV		<i>[Signature]</i>				8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	11145130	LÔI VĨNH	DH11BV		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	11145131	NGUYỄN HOÀNG MINH	DH11BV		<i>[Signature]</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	11145134	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	DH11BV		<i>[Signature]</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	11145135	NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯỢNG	DH11BV		<i>[Signature]</i>				6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	11145136	LÊ VĂN QUÝ	DH11BV		<i>[Signature]</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	11145137	NGUYỄN NGỌC QUÝ	DH11BV		<i>[Signature]</i>				6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	11145138	PHAN TIẾN QUÝ	DH11BV		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 09 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]
[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 09

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	11145139	NGUYỄN HOÀNG SANG	DH11BV							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	11145228	NGUYỄN THỊ HỒNG	DH11BV		<i>[Signature]</i>				4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	11145250	TRẦN NGỌC	DH11BV		<i>[Signature]</i>				9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	11145142	TRẦN NGỌC	DH11BV		<i>[Signature]</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	11145251	PHAN THỊ BÍCH	DH11BV		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	11145143	NGUYỄN THANH	DH11BV		<i>[Signature]</i>				6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	11145230	LÂM DUY	DH11BV		<i>[Signature]</i>				8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	11145150	TRẦN VĂN	DH11BV							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
81	11145146	PHAN THỊ THANH	DH11BV		<i>[Signature]</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
82	11145147	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	DH11BV		<i>[Signature]</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
83	11145148	TẠ THU	DH11BV		<i>[Signature]</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
84	11145154	TRẦN THỊ MỸ	DH11BV		<i>[Signature]</i>				6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
85	11145158	NGUYỄN MINH	DH11BV		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
86	11145253	TRẦN TRUNG	DH11BV		<i>[Signature]</i>				3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
87	11145254	TRẦN VIÊN	DH11BV		<i>[Signature]</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
88	11145234	HUỖNH THỤY KIỀU	DH11BV		<i>[Signature]</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
89	11145166	TẠ TRUNG	DH11BV		<i>[Signature]</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
90	11145167	TRẦN CHÍ	DH11BV		<i>[Signature]</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 9 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
TR. S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]
[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 09

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
91	11145169	HUỖNH CHÁNH	TÍNH		<i>[Signature]</i>				7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
92	11145170	BÙI LÊ ANH	TOÀN		<i>[Signature]</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
93	11145171	DƯƠNG QUỐC	TOÀN		<i>[Signature]</i>				10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
94	11145172	VÕ QUỐC	TOÀN		<i>[Signature]</i>				8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
95	11145174	ĐỖ QUỐC	TRANG		<i>[Signature]</i>				5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
96	11145176	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRANG		<i>[Signature]</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
97	11145177	TRẦN NGỌC THU	TRANG		<i>[Signature]</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
98	11145180	NGUYỄN THỊ ĐOÀN	TRINH		<i>[Signature]</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
99	11145181	VÕ THỊ HỒNG	TRINH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
100	11145184	HUỖNH ĐỨC	TRỌNG		<i>[Signature]</i>				8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
101	11145238	HỒ NGUYỄN MẠNH	TUẦN		<i>[Signature]</i>				7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
102	11145188	LÊ	TUẦN							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
103	11145189	LÊ	TUẦN		<i>[Signature]</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
104	11145191	TRẦN VĂN	TUẦN		<i>[Signature]</i>				5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
105	11145193	VÕ MINH	TUYẾN		<i>[Signature]</i>				5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
106	11145199	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN		<i>[Signature]</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
107	11145258	PHẠM THỊ TƯỜNG	VI		<i>[Signature]</i>				8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
108	11145201	ĐẶNG QUANG	VIỆN		<i>[Signature]</i>				6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 4 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TR. S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signatures]



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02924

Trang 7/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 09

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
09	11145202	VÕ QUỐC VIỆT	DH11BV						4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11145205	LÊ THANH XUÂN	DH11BV		<i>[Signature]</i>				5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11145260	LÊ THỊ XUYẾN	DH11BV		<i>[Signature]</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11145261	BÙI THỊ NGỌC YẾN	DH11BV		<i>[Signature]</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11145206	NGUYỄN HẢI YẾN	DH11BV		<i>[Signature]</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 15 tháng 1 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
T.H.S. LÊ NGỌC THÔNG.

[Signature]
[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 23

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08117245	HOÀNG VĂN KIẾT	DH08CT		<i>Hoàng Văn Kiệt</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	08117191	NGUYỄN THỊ XUÂN THOM	DH08CT		<i>Nguyễn Thị Xuân Thom</i>				5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09161022	TRỊNH KHƯƠNG DUY	DH09TA		<i>Trịnh Khương Duy</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10149074	TRẦN THỊ BÍCH HUYỀN	DH10QM		<i>Trần Thị Bích Huyền</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10149089	CAO THỊ NGỌC LAN	DH10QM		<i>Cao Thị Ngọc Lan</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10149125	LÊ THỊ BẢO NGỌC	DH10QM		<i>Nguyễn Thị Bảo Ngọc</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10149205	NGUYỄN CHÍ TIẾN	DH10QM		<i>Nguyễn Chí Tiến</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11141104	TRẦN THỊ KIM BÍCH	DH11NY		<i>Trần Thị Kim Bích</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11141031	NGUYỄN CHÍ BÌNH	DH11NY		<i>Nguyễn Chí Bình</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11141072	LÊ THỊ NGỌC CHÂU	DH11NY		<i>Nguyễn Thị Ngọc Châu</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11141129	TRẦN PHÚ CƯỜNG	DH11NY		<i>Trần Phú Cường</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11141007	VŨ VĂN DUY	DH11NY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11141028	THẠCH THỊ CHANH ĐA	DH11NY		<i>Thạch Thị Chanh Đa</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11141055	NGUYỄN THỊ ĐAN	DH11NY		<i>Nguyễn Thị Đan</i>				7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11141079	ĐÀO HOÀNG HỒNG ĐIỆP	DH11NY						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11141109	LƯU XUÂN ĐÌNH	DH11NY		<i>Lưu Xuân Đình</i>				6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11141057	NGUYỄN HOÀNG TUẤN EM	DH11NY		<i>Nguyễn Hoàng Tuấn Em</i>				9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11141033	LÊ HƯƠNG GIANG	DH11NY		<i>Lê Hương Giang</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 09 tháng 11 năm 2005

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thore
TH.S: LÊ NGỌC THÔNG

Nguyễn Thị Hương
Nguyễn Thị B.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 23

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11141097	VÕ PHƯƠNG HẢO	DH11NY		<i>Hảo</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11141045	BÀNH LIỆT HIỀN	DH11NY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11141111	NGUYỄN VĂN HÒA	DH11NY		<i>Hòa</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11141008	NGUYỄN THỊ HỒNG	DH11NY		<i>Hồng</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11141071	NGUYỄN QUỐC HÙNG	DH11NY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11141009	HÀ THỊ HUYỀN	DH11NY						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11141098	TRẦN THỊ MAI HUYỀN	DH11NY		<i>Mai</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11141114	PHAN THỊ NHƯ HUỖNH	DH11NY		<i>Như</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11141065	LÊ THỊ DIỄM HƯƠNG	DH11NY		<i>Diễm</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11141069	NGUYỄN QUANG HỮU	DH11NY		<i>Hữu</i>				6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11141075	TRẦN ĐĂNG KHOA	DH11NY		<i>Đăng</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11141013	ĐẶNG THỊ THÚY KIỀU	DH11NY		<i>Thúy</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11141051	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	DH11NY		<i>Ngọc</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11141082	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	DH11NY		<i>Ngọc</i>				9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11141102	NGUYỄN THANH LÂM	DH11NY		<i>Thanh</i>				8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11141083	TRƯƠNG THỊ BẠCH LÊ	DH11NY		<i>Bách</i>				6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11141084	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	DH11NY		<i>Khánh</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11141116	TRƯƠNG THỊ THẢO LINH	DH11NY		<i>Thảo</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TR.S. LÊ NGỌC THÔNG

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 23

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11141085	THÁI HẢI	LONG	DH11NY					8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11141016	TRẦN THỊ MỸ	LUYẾN	DH11NY					6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11141050	NGUYỄN THỊ	MIÊN	DH11NY					9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11141038	DƯƠNG BÌNH	MINH	DH11NY					9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11141040	VŨ	MINH	DH11NY					5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11141044	HOÀNG NHẬT	NAM	DH11NY						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11141118	LÊ TRỌNG	NGHĨA	DH11NY					8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11141087	HUỖNH THỊ KIM	NGỌC	DH11NY					7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11141063	LÊ THỊ BÍCH	NGỌC	DH11NY					6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11141119	NGUYỄN TRẦN NHƯ	NGỌC	DH11NY					6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11141133	TRỊNH THỊ THẢO	NGUYỄN	DH11NY					4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11141018	NGUYỄN HUỖNH SĨ	NHÂN	DH11NY					6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11141076	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	DH11NY					5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11141047	TRẦN THỊ KIM	NHUNG	DH11NY					8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11141041	DƯƠNG THỊ	NI	DH11NY					6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11141103	MAI HOÀNG LÂM	PHÁT	DH11NY					4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11141077	HỒ KHÁNH	PHƯƠNG	DH11NY					9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11141064	HỒ VĂN HỒNG	QUYÊN	DH11NY					8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 09 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 23

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	11141130	HUỲNH THÁI SƠN	DH11NY		<i>Lu</i>				4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11141095	HÀ THỊ HỒNG SƯƠNG	DH11NY		<i>Hồng</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11141089	VŨ THANH TÀI	DH11NY		<i>Nguyen</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	11141090	NGUYỄN ĐI THANH	DH11NY		<i>Thanh</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11141059	PHÚ DUY THANH	DH11NY		<i>Duy</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	11141091	NGUYỄN THỊ THU THẢO	DH11NY		<i>Thu</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	11141070	NGUYỄN THỊ NGỌC THOA	DH11NY		<i>Ngoc</i>				10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11141048	ĐẶNG THỊ THÙY	DH11NY		<i>Thuy</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	11141131	TỬ VÕ KIM THƯ	DH11NY		<i>Kim</i>				4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	11141053	ĐẶNG THỊ THÙY TRANG	DH11NY		<i>Trang</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	11141134	TRẦN THỊ THÚY TRANG	DH11NY		<i>Trang</i>				4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	11141092	VÕ MINH TRIẾT	DH11NY		<i>Minh</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	11141062	TRẦN HIÊN TRỌNG	DH11NY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	11141001	NGUYỄN THANH TRÚC	DH11NY		<i>Thanh</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	11141073	LÊ ANH TUẤN	DH11NY		<i>Anh</i>				6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	11141003	LÂM THANH VŨ	DH11NY		<i>Thanh</i>				6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	11141061	TRẦN NHƯ Ý	DH11NY		<i>Nhu</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	11141002	NGUYỄN HỒNG YẾN	DH11NY		<i>Yen</i>				8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thong
Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Phan Thi Huong
Nguyen Thi Hoa
Tran

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 12

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09160117	LÊ VĂN TÂM	DH09TK		<i>[Signature]</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09160119	TRINH MINH TÂM	DH09TK		<i>[Signature]</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11111121	NGUYỄN HÙNG QUỐC	DH11CN		<i>[Signature]</i>				4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11111073	PHẠM THẾ ĐIỀN	DH11CN		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11111096	NGUYỄN THỊ THANH HẠNG	DH11CN		<i>[Signature]</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11111074	TRẦN THỊ HẠNG	DH11CN		<i>[Signature]</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11111097	TRINH THỊ MỘNG	DH11CN		<i>[Signature]</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11111075	LÊ XUÂN HIỀN	DH11CN		<i>[Signature]</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11111077	NGUYỄN QUỐC HƯNG	DH11CN		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11111122	PHÙNG MẠNH HƯNG	DH11CN		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11111107	NGUYỄN DUY KHANG	DH11CN		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11111078	NGUYỄN VĂN LĂNG	DH11CN		<i>[Signature]</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11111104	NGUYỄN CAO LÂU	DH11CN		<i>[Signature]</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11111109	THÂN THỊ KIM LIÊN	DH11CN							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11111082	NGUYỄN TUẤN LINH	DH11CN		<i>[Signature]</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11111105	PHẠM HỒNG LUYẾN	DH11CN		<i>[Signature]</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11111085	HÀ NGỌC NGUYÊN	DH11CN		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11111086	LÊ HOÀNG THẢO NGUYÊN	DH11CN		<i>[Signature]</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 10 tháng 12 năm 2014

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
TR. S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]
[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 12

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11111087	NGUYỄN VŨ THẢO NGUYỄN	DH11CN		<i>Nguyễn Vũ Thảo</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11111108	ĐẶNG NGHĨA NHÂN	DH11CN		<i>Đặng Nghĩa Nhân</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11111112	MAI TẤN PHÁT	DH11CN		<i>Mai Tấn Phát</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11111080	ĐÀM THỊ PHƯƠNG	DH11CN		<i>Đàm Thị Phương</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11111118	NGUYỄN VIỆT QUÂN	DH11CN		<i>Nguyễn Việt Quân</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11111120	HỒ VIỆT SANG	DH11CN		<i>Hồ Việt Sang</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11111115	NGUYỄN KHẮC THUYẾT	DH11CN							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11111090	NGUYỄN NGỌC MAI THY	DH11CN		<i>Nguyễn Ngọc Mai Thy</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11111091	TRẦN QUỐC TRÌNH	DH11CN		<i>Trần Quốc Trình</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11111092	PHẠM MINH TRUNG	DH11CN		<i>Phạm Minh Trung</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11111094	TRẦN THANH TÚ	DH11CN		<i>Trần Thanh Tú</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11111114	TRẦN ANH TUẤN	DH11CN		<i>Trần Anh Tuấn</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11111095	NGUYỄN HẢI YẾN	DH11CN		<i>Nguyễn Hải Yến</i>				4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Nguyễn Thị Ngọc

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 24

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10336032	NGUYỄN THỊ KIM PHƯỢNG	CD10CS		<i>Kim</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10149286	KIM THỊ PHOL LY	DH10QM		<i>Ly</i>				7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10172033	NGÔ THỊ ANGA	DH10SM		<i>Nga</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11126068	BÙI MINH AN	DH11SH		<i>An</i>				8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11126073	LÊ THỊ BÍCH	DH11SH		<i>Bích</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11126071	NGUYỄN HẢI BÌNH	DH11SH		<i>Bình</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11126076	BÙI QUANG CHIÊU	DH11SH		<i>Chiêu</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11126078	TRẦN NGỌC CHUNG	DH11SH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11126080	NGUYỄN VĂN CÔNG	DH11SH		<i>Công</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11126081	TRẦN DUY CÔNG	DH11SH		<i>Công</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11126058	LÊ THỊ HỒNG CÚC	DH11SH		<i>Cúc</i>				6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11126085	ĐỖ CÔNG DANH	DH11SH		<i>Danh</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11126087	ĐỖ THÚY DIỄM	DH11SH		<i>Diễm</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11126041	NGUYỄN THỊ THU DUNG	DH11SH		<i>Dung</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11126001	DƯƠNG NGUYỄN MỸ DUYÊN	DH11SH		<i>Duyên</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11126090	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	DH11SH		<i>Dương</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11126091	ĐỖ HOÀNG TIẾN ĐẠT	DH11SH		<i>Đạt</i>				6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11126093	TRẦN MINH ĐĂNG	DH11SH		<i>Đăng</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 23 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thông
TR.S. LÊ NGỌC THÔNG

Nguyễn Thị Mai
Nguyễn Thị Mai

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 24

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11126095	NGUYỄN VĂN ĐẾN	DH11SH		<i>Đến</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11126096	BÙI THỊ ĐIỂM	DH11SH		<i>Điểm</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11126100	TRẦN MINH ĐỨC	DH11SH		<i>Đức</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11126102	LÂM NGUYỄN TRÚC	DH11SH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11126002	HỒ THỊ NGỌC HÀ	DH11SH		<i>Hà</i>				7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11126004	NGUYỄN THỊ THU HÀ	DH11SH		<i>Thu Hà</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11126005	TRẦN THANH HÀ	DH11SH		<i>Hà</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11126006	PHAN THỊ THANH HÀI	DH11SH		<i>Hà</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11126008	PHAN THỊ MỸ HẠNH	DH11SH		<i>Mỹ Hạnh</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11126009	ĐỖ THỊ HẠNG	DH11SH		<i>Hàng</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11126010	NGUYỄN THỊ THÚY HẠNG	DH11SH						7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11126059	NGUYỄN THỊ THÚY HẠNG	DH11SH		<i>Hàng</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11126113	PHẠM THỊ THÚY HẠNG	DH11SH		<i>Hàng</i>				8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11126011	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	DH11SH		<i>Hiền</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11126116	HỒ VĂN THÀNH HIẾN	DH11SH		<i>Hiến</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11126121	LÊ THỊ THANH HỒNG	DH11SH		<i>Hồng</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11126013	LƯƠNG NGUYỄN MAI LÊ	DH11SH		<i>Mai Lê</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11126016	ĐOÀN THỊ MỸ LINH	DH11SH		<i>Mỹ Linh</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 23 tháng 1 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thông
TH. S. LÊ NGỌC THÔNG

Hàng
Thị Thanh Hồng
Thị Thanh Hồng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 24

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40%)	Đ2 (%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11126053	TRẦN THANH LONG	DH11SH		<i>HT</i>				4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11126017	TRINH HỒNG PHƯƠNG	DH11SH		<i>HT</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11126019	PHẠM THỊ NẾT	DH11SH		<i>Phạm Nết</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11126020	TRẦN THỊ ANH	DH11SH		<i>Trần Thị Anh</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11126021	NGUYỄN THỊ KIM	DH11SH		<i>Nguyễn Thị Kim</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11126022	NGUYỄN THỊ QUỲNH	DH11SH		<i>Nguyễn Thị Quỳnh</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11126023	TRẦN THỊ YẾN	DH11SH		<i>Trần Thị Yến</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11126024	KA NGỌT	DH11SH						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11126061	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	DH11SH		<i>Như</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11126054	TIẾT HUỶNH KIM	DH11SH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11126029	PHAN MINH NGỌC	DH11SH		<i>Phan Minh Ngọc</i>				5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11126030	ĐÌNH NGỌC	DH11SH		<i>Đình Ngọc</i>				7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11126032	PHẠM NGUYỄN HỒNG THÁI	DH11SH		<i>Phạm Nguyễn Hồng Thái</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11126031	TRẦN THỊ KIM THẢO	DH11SH		<i>Trần Thị Kim Thảo</i>				9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11126033	ĐỖ QUANG THẮNG	DH11SH		<i>Đỗ Quang Thắng</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11126034	TRẦN THỊ KIM THOẠI	DH11SH		<i>Trần Thị Kim Thoại</i>				8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11126035	NGUYỄN THỊ THỜI	DH11SH		<i>Nguyễn Thị Thời</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11126037	TRẦN THỊ ANH THƯƠNG	DH11SH		<i>Trần Thị Anh Thương</i>				6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 23 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Nguyễn Hữu Đức



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02939

Trang 4/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 24

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	11126038	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	DH11SH		<i>Trang</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11126039	TRƯƠNG THỊ KIỀU TRANG	DH11SH		<i>Thu</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11126042	HỒ PHAN MINH TRÍ	DH11SH		<i>Trí</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	11126043	LÊ QUANG TRÍ	DH11SH		<i>Trí</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11126047	NGUYỄN ANH TÚ	DH11SH		<i>Tú</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	11126045	PHAN THỊ THANH TUYỀN	DH11SH		<i>Thy</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	11126048	BÙI TRẦN PHƯƠNG UYÊN	DH11SH		<i>Uyen</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11126050	NGUYỄN TRẦN ANH VŨ	DH11SH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	11126051	PHẠM NGUYỄN BẢO VY	DH11SH		<i>Vy</i>				8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 03 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thy
TH.S: LÊ NGỌC THÔNG

Nguyễn Thị Tú
Nguyễn Thị Tú

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 11

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10112146	NGUYỄN THỊ QUẾ	DH10TY		<i>Thi Quế</i>				6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11111019	LÊ VIẾT	DH11CN		<i>Viết</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11111066	NGÔ VIẾT	DH11CN		<i>Viết</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11111035	ĐẶNG THỊ NGỌC	DH11CN		<i>anh</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11111034	NGUYỄN DUY	DH11CN							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11111055	NGUYỄN DUY THANH	DH11CN							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11111003	DƯƠNG VĂN	DH11CN		<i>Chung</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11111070	ĐẶNG THỊ QUỲNH	DH11CN		<i>Quỳnh</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11111068	NGUYỄN THỊ THANH	DH11CN		<i>Thi Thanh</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11111004	NGUYỄN ĐIỂN	DH11CN		<i>Duy</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11111020	NGUYỄN ĐỨC	DH11CN							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10112264	NGUYỄN THANH	DH11CN		<i>Thanh</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11111061	PHAN THỊ	DH11CN		<i>Thi</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11111036	ĐỖ TẤN	DH11CN		<i>Tấn</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11111041	TRẦN QUANG	DH11CN		<i>Quang</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11111044	DƯƠNG QUỐC	DH11CN		<i>Quốc</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11111007	TRẦN HỮU	DH11CN		<i>Hữu</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11111008	LÊ QUANG	DH11CN		<i>Quang</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Nguyễn Tiến Bình

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 11

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11111023	TÔ HỒNG HOÀNG	DH11CN						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11111053	HUỖNH HUY HÙNG	DH11CN						7,5	V 0 1 2 3 4 5 8 9 10	0 1 2 3 4 6 7 8 9
21	11111009	NGUYỄN HUỖNH KHÁNH	DH11CN							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11111010	TRẦN XUÂN LAM	DH11CN						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11111033	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	DH11CN						5,0	V 0 1 2 3 4 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11111012	LÂM VĂN NHẤT	DH11CN						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11111065	ĐẶNG THẾ PHONG	DH11CN						5,5	V 0 1 2 3 4 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 8 7 8 9
26	11111025	DƯƠNG THỊ KIM PHÚC	DH11CN						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	0 1 2 3 4 6 7 8 9
27	11111026	TRẦN HOÀNG QUỐC	DH11CN							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11111013	NGUYỄN VĂN THẮNG	DH11CN							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10112270	NGUYỄN HOÀNG BẢO THỊNH	DH11CN						3,0	V 0 1 2 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11111045	LÊ NGUYỄN XUÂN THỦY	DH11CN						6,5	V 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10	0 1 2 3 4 8 7 8 9
31	11111054	NGUYỄN ĐÀO MINH THUYẾT	DH11CN						5,5	V 0 1 2 3 4 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 6 7 8 9
32	11111001	TRẦN KHIÊM THỨC	DH11CN							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11111030	NGUYỄN PHẠM THỦY TIẾN	DH11CN						9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11111060	TRẦN THUY KHÁNH TRANG	DH11CN						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 9 10	0 1 2 3 4 6 7 8 9
35	11111031	LÊ THANH TRÂM	DH11CN						5,0	V 0 1 2 3 4 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11111048	LÊ MINH TRÍ	DH11CN						6,0	V 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02940

Trang 1/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 25

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09145049	LÊ PHÚ KHÁNH	DH09BV		<i>Phu</i>				6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10142019	NGUYỄN THỊ THANH DUNG	DH10DY		<i>Thanh</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10172065	NGUYỄN DUY VŨ	DH10SM		<i>Vu</i>				6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10112254	BIỆN THỊ HỒNG LỆ	DH10TY		<i>Le</i>				7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11126339	ĐẠO ANH BÀN	DH11SH		<i>Anh</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11126289	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	DH11SH		<i>Quoc</i>				6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11126270	CHU THỊ DIỆM	DH11SH		<i>Diem</i>				5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11126292	HUYNH TẤN DŨNG	DH11SH		<i>Dung</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11126291	LƯƠNG THỊ DUYÊN	DH11SH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11126294	PHAN THÀNH ĐÔNG	DH11SH		<i>Thanh</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11126295	LÊ THỊ ĐỨC	DH11SH		<i>Duc</i>				8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11126271	PHẠM NGỌC HÀ	DH11SH		<i>Ha</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11126296	CAO VĂN HẢI	DH11SH		<i>Ha</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11126297	NGUYỄN THỊ DIỆU HẰNG	DH11SH		<i>Huong</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11126272	HUYNH MINH HIỀN	DH11SH		<i>Hien</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11126124	LÊ PHÚ HỘI	DH11SH		<i>Hoi</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11126122	NGUYỄN THỊ HỒNG	DH11SH		<i>Hong</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11126123	NGUYỄN THỊ THÚY HỒNG	DH11SH						8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 23 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thore
Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Thore
Nguyen Huu Phu



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02940

Trang 2/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 25

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11126132	PHẠM THỊ LỆ	HUYỀN	DH11SH					7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11126133	TRẦN THỊ THANH	HUYỀN	DH11SH					9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11126141	LÝ MINH	KHA	DH11SH					8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11126340	THẠCH SI BI	LAI	DH11SH					6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11126274	NGUYỄN NGỌC	LÊN	DH11SH					7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11126149	TRẦN CẨM	LIÊN	DH11SH					7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11126150	BÙI THỤY NHẬT	LINH	DH11SH					8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11126152	HUỶNH NGUYỄN CHÍ	LINH	DH11SH					6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11126153	HUỶNH VŨ	LINH	DH11SH					5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11126154	LÊ VĂN VŨ	LINH	DH11SH					7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11126155	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	DH11SH					5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11126157	NGUYỄN PHI	LONG	DH11SH					7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11126308	LÊ NGUYỄN THẢO	LY	DH11SH					7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11126164	NGUYỄN LÊ THỤ	MINH	DH11SH					7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11126342	HOÀNG VĂN	NGHI	DH11SH					8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11126170	TRẦN SĨ	NGHI	DH11SH					7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11126171	ĐẶNG THỊ	NGỌC	DH11SH					8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11126175	PHẠM THỊ MỸ	NHÂN	DH11SH						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 13 tháng 01 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Nguyễn Thảo Trúc

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 25

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11126341	TRƯƠNG THÀNH NHẬP	DH11SH		<i>Thập</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11126176	ĐINH VIỆT	DH11SH		<i>Việt</i>				6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11126311	HUỖNH THỊ MỸ	DH11SH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11126178	TRỊNH THỊ NHUNG	DH11SH		<i>Nhung</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11126313	NGUYỄN HOÀNG OANH	DH11SH		<i>Oanh</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11126179	PHẠM HOÀNG PHI	DH11SH		<i>Phi</i>				5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11126314	LÊ VŨ PHONG	DH11SH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11126183	NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC	DH11SH		<i>Phúc</i>				5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11126185	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG	DH11SH		<i>Phương</i>				5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11126316	VŨ THỊ THÙY QUANH	DH11SH		<i>Thùy</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11126195	NGUYỄN NGỌC QUÝ	DH11SH		<i>Quý</i>				6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11126278	DƯƠNG NGỌC THANH QUYÊN	DH11SH		<i>Quyên</i>				8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11126196	NGUYỄN SA RIN	DH11SH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11126197	TRẦN LỘC SINH	DH11SH		<i>Sinh</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11126319	NGUYỄN LÊ QUÍ SƠN	DH11SH		<i>Sơn</i>				6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11126201	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	DH11SH		<i>Thanh</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11126203	VŨ THỊ THANH TÂM	DH11SH		<i>Thanh</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11126321	LÊ NHẬT TÂN	DH11SH		<i>Tân</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 23 tháng 01 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Thư
Nguyễn Hữu Tài



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02940

Trang 4/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 25

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	11126284	PHAN HOÀNG THẠCH	DH11SH		<i>Phan</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11126282	HOÀNG THÁI THANH	DH11SH		<i>Thang</i>				8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11126207	TRẦN THỊ THANH	DH11SH		<i>Thanh</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	11126209	TRỊNH PHÚC THANH	DH11SH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11126212	THÂN THẢO	DH11SH		<i>Thân</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	11126327	TẠ THỊ HOÀN THIÊN	DH11SH		<i>Hoàn</i>				8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	11126221	PHẠM VĂN THỌ	DH11SH		<i>Pham</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11126223	NGUYỄN THỊ THU	DH11SH		<i>Thu</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	11126330	NGUYỄN THỊ THU THÙY	DH11SH						8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	11126226	LÊ THỊ ANH THƯ	DH11SH		<i>Anh</i>				10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	11126228	HỒ ĐĂNG THUY TIÊN	DH11SH		<i>Thuy</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	11126234	NGUYỄN CHÍ TÍNH	DH11SH		<i>Thinh</i>				8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	11126237	HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG	DH11SH		<i>Trang</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	11126238	NGUYỄN THỊ MAI TRANG	DH11SH		<i>Mai</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	11126333	TRẦN THỊ THU TRANG	DH11SH		<i>Trang</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	11126239	VŨ PHẠM THÙY TRANG	DH11SH		<i>Trang</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	11126241	LÊ ĐĂNG HUỖNH TRÂM	DH11SH		<i>Tram</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	11126248	NGÔ ĐÌNH TRỌNG	DH11SH		<i>Trong</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 08 tháng

năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Nguyễn Hữu Tài
Nguyễn Hữu Tài



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 25

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	11126336	TRẦN MINH TRỌNG	DH11SH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	11126253	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	DH11SH		<i>Thanh</i>				9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	11126254	PHẠM THỊ NHÃ TRÚC	DH11SH		<i>Nhã</i>				8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	11126285	NGUYỄN DUY TRUNG	DH11SH		<i>Duy</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	11126251	HUỲNH MINH TRUYỀN	DH11SH		<i>Minh</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	11126257	PHAN VĂN TUẤN	DH11SH		<i>Phan</i>				8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	11126264	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VI	DH11SH		<i>Tường</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	11126338	TRƯƠNG THỊ VIỆT	DH11SH		<i>Việt</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
81	11126268	ĐOÀN THỊ XOAN	DH11SH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thore
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Nguyễn Thị Thanh
Nguyễn Thị Thanh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 14

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10171123	NGUYỄN ĐỨC DU	DH10KS		<i>Duc</i>				7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11148290	LƯU THÁI BẢO	DH11DD		<i>Thái</i>				4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11148284	LÂM THỊ NGỌC CHÂU	DH11DD		<i>Chau</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11148291	NGUYỄN THỊ MỸ CHI	DH11DD		<i>Chi</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11148293	VÕ ĐÌNH CHƯƠNG	DH11DD		<i>Chuong</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11148302	NGÔ THỊ MỘNG HẠNG	DH11DD		<i>Hang</i>				8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11148303	NGUYỄN QUỐC HIỀN	DH11DD		<i>Hien</i>				6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11148307	HÀ THỊ THU HƯƠNG	DH11DD		<i>Huong</i>				8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11148309	NGUYỄN THANH KHUÊ	DH11DD		<i>Khue</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11148310	BÙI THỊ LIỄU	DH11DD		<i>Lieu</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11148313	LƯƠNG HỒNG LỢI	DH11DD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11148316	PHẠM TRÚC LY	DH11DD		<i>Ly</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11148318	NGUYỄN THỊ MỸ	DH11DD		<i>My</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11148323	NGÔ THỊ MỸ NHI	DH11DD		<i>Nhi</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11148174	LÊ TUYẾT NHUNG	DH11DD		<i>Nhung</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11148325	NGÔ KIM NỮ	DH11DD		<i>Nu</i>				7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11148326	TRẦN THỊ OANH	DH11DD		<i>Oanh</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11148329	NGUYỄN THỊ QUÝ	DH11DD		<i>Quy</i>				7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thong
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Thong
Thong Lê Ngọc Thông

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 14

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11148286	ĐẶNG BÉ THÁNH	DH11DD		<i>Thao</i>				7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11148333	TRƯƠNG THỊ THU	DH11DD		<i>Thu</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11148336	TRẦN THỊ MINH	DH11DD		<i>Minh</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11148287	TRẦN THỊ THU	DH11DD		<i>Thu</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11148340	LÊ THỊ MỸ	DH11DD		<i>Mỹ</i>				6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11148341	NGÔ THỊ BÍCH	DH11DD		<i>Bích</i>				7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11148246	TRƯƠNG THÙY BẢO	DH11DD		<i>Bảo</i>				8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11148263	PHẠM THANH	DH11DD		<i>Thanh</i>				4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11148346	TRƯƠNG THỊ	DH11DD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11148255	ĐỖ THANH	DH11DD		<i>Thanh</i>				8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11148256	NGUYỄN THỊ THANH	DH11DD						6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11148257	ĐỖ THỊ THANH	DH11DD		<i>Thanh</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11148265	TRẦN THỊ HỒNG	DH11DD		<i>Hồng</i>				6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11148268	NGUYỄN THỊ BẢO	DH11DD		<i>Bảo</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11148273	TỪ THỊ TƯỜNG	DH11DD		<i>Tường</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11148277	LÊ HỮU TƯỜNG	DH11DD						4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11148279	NGUYỄN MỸ	DH11DD		<i>Mỹ</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11148280	PHAN THỊ DIỆU	DH11DD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thao
Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Thao Trần Thị Thanh Hương
Thao Lê Ngọc Thông



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02941

Trang 1/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 26

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10148122	THÂN THỊ HƯƠNG	LIÊU	DH10DD	<i>Hương</i>				8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10149190	ĐÌNH THỊ CẨM	THU	DH10QM	<i>Cẩm</i>				8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11158064	HỒ THỊ NGỌC	ÁNH	DH11SK	<i>Ngọc</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11158076	NGUYỄN THỊ	CHÂU	DH11SK	<i>Thị</i>				4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11158006	NGUYỄN VƯƠNG	DANH	DH11SK	<i>Vương</i>				6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11158051	HUỖNH THỊ BÍCH	HẠNH	DH11SK	<i>Bích</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11158085	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	DH11SK	<i>Hồng</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11158065	NGUYỄN VIỆT TRUNG	HIẾU	DH11SK	<i>Trung</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11158069	NGUYỄN LÊ	HOÀI	DH11SK	<i>Lê</i>				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11158091	ĐẶNG	HOÀNG	DH11SK						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11158008	LÊ ĐỨC	HOÀNG	DH11SK	<i>Đức</i>				7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11158092	LÊ HUY	HOÀNG	DH11SK	<i>Huy</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11158089	LÊ MINH	HOÀNG	DH11SK	<i>Minh</i>				7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11158009	THIÊN SANH	HUẤN	DH11SK	<i>Sanh</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11158042	VÕ MINH	KHA	DH11SK	<i>Minh</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11158041	THÔNG MINH	KHANG	DH11SK	<i>Minh</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11158086	TRƯƠNG VĂN	KHOA	DH11SK	<i>Văn</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11158053	NGUYỄN CAO VĨNH	KHƯƠNG	DH11SK						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

K. Nguyễn B. Hải

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 26

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11158079	NGUYỄN MINH KHƯƠNG	DH11SK		<i>Minh Khương</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11158031	VÕ VĂN KIÊN	DH11SK		<i>Võ Văn Kiên</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11158087	ĐẶNG THỊ ÁNH	DH11SK		<i>Đặng Thị Ánh</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11158011	ĐÀNG HOÀNG LUÔN	DH11SK							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11158073	CAO THỊ LÊ MAI	DH11SK		<i>Mai Cao Thị Lê</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11158102	TRẦN NGỌC NGHĨA	DH11SK		<i>Ngọc Nghĩa Trần</i>				7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11158050	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH11SK		<i>Ngọc Nguyễn Thị</i>				8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11158016	LÊ VĂN PHỤNG	DH11SK		<i>Phụng Lê Văn</i>				7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11158100	TRẦN MINH PHỤNG	DH11SK		<i>Phụng Trần Minh</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11158071	NGUYỄN MẬU HOÀNG SANG	DH11SK		<i>Sang Mậu Nguyễn</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11158043	NGUYỄN LƯƠNG TÀI	DH11SK		<i>Tài Lương Nguyễn</i>				9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11158061	NGUYỄN VĂN TÀI	DH11SK							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11158097	HOÀNG THỊ THỊNH	DH11SK		<i>Thịnh Hoàng Thị</i>				6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11158037	NGUYỄN QUỐC THỊNH	DH11SK		<i>Quốc Thịnh Nguyễn</i>				8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11158047	LÊ TÔ HÒA THUẬN	DH11SK		<i>Hòa Thuận Lê Tô</i>				5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11158024	LÊ THỊ KIM THƯƠNG	DH11SK		<i>Kim Thương Lê Thị</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11158072	ĐẶNG AN TIÊN	DH11SK							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11158039	NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN	DH11SK		<i>Thủy Tiên Nguyễn</i>				9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02941

Trang 3/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 26

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11158025	LÊ VĂN TRÀ	DH11SK		<i>[Signature]</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11158044	TRƯƠNG THỊ HOA	DH11SK		<i>[Signature]</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11158056	ĐÌNH THỊ XUÂN	DH11SK		<i>[Signature]</i>				5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11158067	NGUYỄN XUÂN TÙNG	DH11SK		<i>[Signature]</i>				6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11158027	PHẠM LÊ KIM TÙNG	DH11SK		<i>[Signature]</i>				8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11158028	PHẠM NGỌC VÀNG	DH11SK		<i>[Signature]</i>				5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11158063	BÙI NHƯ Ý	DH11SK		<i>[Signature]</i>				5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11158062	LÊ NGUYỄN ĐỨC YÊN	DH11SK							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	10149122	TRẦN THỊ KIM NGÂN	DH10CSM		<i>[Signature]</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]
Nguyễn Thị Tài

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 30

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10156004	NGUYỄN THẾ BÌNH	DH10VT		<i>Thế Bình</i>				5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11112258	LÊ TUẤN	DH11TY		<i>Tuấn</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11112259	TRẦN TRÂM	DH11TY		<i>Trâm</i>				5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11112307	NÔNG ĐỨC CƯỜNG	DH11TY		<i>Đức Cường</i>				5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11112269	NGUYỄN BẢO DUY	DH11TY		<i>Bảo Duy</i>				5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11112270	HÀ THANH DƯƠNG	DH11TY		<i>Thanh Dương</i>				7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11112271	NGUYỄN THỊ ĐÔNG	DH11TY		<i>Thị Đông</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11112260	PHAN THỊ HỒNG GẤM	DH11TY		<i>Hồng Gấm</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11112091	NGUYỄN LÊ TRƯỜNG HẢI	DH11TY		<i>Trường Hải</i>				4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11112308	PHAN THANH HIỀN	DH11TY		<i>Thanh Hiền</i>				8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11112095	TRẦN THỊ THẢO	DH11TY		<i>Thị Thảo</i>				7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11112096	NGUYỄN VINH HIỀN	DH11TY		<i>Vinh Hiền</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11112097	PHẠM MINH HIỀN	DH11TY		<i>Minh Hiền</i>				6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11112105	NGUYỄN THÁI HÒA	DH11TY		<i>Thái Hòa</i>				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11112100	VÕ THỊ NGỌC HOÀI	DH11TY		<i>Thị Ngọc Hoài</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11112102	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	DH11TY		<i>Xuân Hoàng</i>				8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11112109	NGUYỄN PHI HỔ	DH11TY		<i>Phi Hổ</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11112110	TRẦN QUỐC HUY	DH11TY		<i>Quốc Huy</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Lê Ngọc Thông
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Nguyễn Thị Thảo
Nguyễn Thị Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 30

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11112112	CAO VĂN HƯNG	DH11TY		<i>[Signature]</i>				6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11112262	NGUYỄN THỊ DIỆM	DH11TY		<i>[Signature]</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11112114	NGÔ ĐĂNG	DH11TY		<i>[Signature]</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11112116	NGUYỄN TRỌNG	DH11TY		<i>[Signature]</i>				3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11112117	LÊ TUẤN	DH11TY		<i>[Signature]</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11112118	PHẠM CHÍ	DH11TY		<i>[Signature]</i>				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11112119	VĂN THỊ YẾN	DH11TY		<i>[Signature]</i>				9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11112121	NGUYỄN VĂN KHÁNG	DH11TY		<i>[Signature]</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11112123	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11112124	NGUYỄN PHAN BẢO	DH11TY		<i>[Signature]</i>				8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11112126	BÙI NHƯỘC	DH11TY		<i>[Signature]</i>				6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11112128	NGUYỄN THỊ NGỌC PH	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11112131	CHU THỊ MỸ	DH11TY		<i>[Signature]</i>				6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11112133	LÊ THỊ KIỀU	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11112136	NGUYỄN BẢO LONG	DH11TY		<i>[Signature]</i>				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11112137	HUỶNH LÊ ĐỨC	DH11TY		<i>[Signature]</i>				6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11112140	ĐẶNG BẢO LƯU	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11112143	ĐINH HOÀNG MI	DH11TY		<i>[Signature]</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

[Signature]
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

[Signature]
Cán bộ chấm thi 1&2



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02945

Trang 3/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 30

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11112276	ĐẶNG VĂN MINH	DH11TY		<i>Minh</i>				7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11112277	LÊ VĂN MINH	DH11TY		<i>Le</i>				7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11112264	TRẦN HOÀNG MY	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11112148	ĐẶNG KIM NGÂN	DH11TY		<i>Ngan</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11112149	NGUYỄN HUỶNH BẢO NGÂN	DH11TY		<i>Ngan</i>				5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11112150	HOÀNG VƯƠNG MÃN NGHI	DH11TY		<i>Man</i>				7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11112154	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11112279	TỬ BẢO NGỌC	DH11TY		<i>Ngoc</i>				7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11112155	VŨ VĂN NGỌC	DH11TY						5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11112156	NGUYỄN ĐỖ ĐÌNH NGUYỄN	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11112280	PHẠM ĐÌNH NGUYỄN	DH11TY		<i>Ngoc</i>				7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11112281	VŨ THỊ HOÀNG NHẢ	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11112158	NGUYỄN VĂN NHÂN	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11112160	HỒ NGỌC NHUẬN	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11112161	PHẠM KHẮC NINH	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11112162	BÙI THẾ PHI	DH11TY		<i>Phi</i>				6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11112163	LÊ VŨ TUẤN PHONG	DH11TY		<i>Phong</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11112166	TRƯƠNG VĂN PHONG	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thong
Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Nguyen Thi Phi
Th.S. NGUYỄN THỊ PHI



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 30

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	11112168	ĐÌNH HOÀNG PHÚ	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11112169	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	DH11TY						5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11112284	TRẦN THỊ THANH PHÚC	DH11TY		Thạnh				6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	11112170	TRỊNH XUÂN PHÚC	DH11TY		Xuân				9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11112285	LÊ THANH MỸ PHỤNG	DH11TY		Mỹ				5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	11112173	VÕ NGỌC PHƯƠNG	DH11TY		Phương				4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	11112174	NGUYỄN HỮU QUANG	DH11TY		Quang				4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11112175	NGUYỄN PHÚ QUANG	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	11112176	PHẠM HOÀNG NHẤT QUÂN	DH11TY		Nhất				8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	11112178	BÙI VĂN QUÍ	DH11TY		Quí				8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	11112180	PHẠM ĐÌNH ANH QUỐC	DH11TY		Anh				8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	11112287	TRẦN THỊ TỐ QUYÊN	DH11TY		Tố				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	11112181	NGUYỄN NHẤT QUYẾT	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	11112182	PHẠM PHÚC QUỲNH	DH11TY		Quỳnh				6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	11112184	NGUYỄN CỬU THÁI SAN	DH11TY		Cửu				6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	11112186	NGUYỄN THÁI SANG	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	11112188	TRẦN VŨ SINH	DH11TY		Vũ				8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	11112189	NGUYỄN HOÀNG SƠN	DH11TY		Sơn				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày

tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thore
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Nguyễn Văn Hải Tài

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 30

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	11112191	TRẦN CÔNG SON	DH11TY						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	11112194	NGUYỄN VĂN THÀNH	DH11TY						7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	11112201	PHẠM MINH THẮNG	DH11TY						6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	11112288	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	DH11TY						4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	11112202	LÂM HOÀNG THIÊN	DH11TY						7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	11112204	TRẦN TIẾN THỊNH	DH11TY						4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	11112205	NGUYỄN HỮU THỌ	DH11TY						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	11112206	VŨ LÊ NGỌC THỌ	DH11TY						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
81	11112207	LÂM THỊ MỸ THÔNG	DH11TY						6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
82	11112208	NGUYỄN HIỆP THÔNG	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
83	11112209	VŨ LÊ THUẬN	DH11TY							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
84	11112211	TRẦN NGỌC THUẬN	DH11TY						7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
85	11112212	ĐỖ THỊ THỦY	DH11TY						7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
86	11112289	LÊ THỊ QUỲNH THƯ	DH11TY						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
87	11112214	PHẠM ANH THƯ	DH11TY						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
88	11112224	NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	DH11TY						6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
89	11112268	NGUYỄN THIÊN TRANG	DH11TY						8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
90	11112225	PHẠM THỊ THÙY TRANG	DH11TY						6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 02945

Trang 6/3

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 30

CBGD: Lê Ngọc Thông (498)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
91	11112226	NGUYỄN THỊ MAI	TRÂM		<i>Ma</i>				4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
92	11112227	NGUYỄN TRẦN BẢO	TRÂN		<i>Bao</i>				7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
93	11112228	NGUYỄN	TRỊ							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
94	11112306	HOÀNG CÔNG	TRÍ		<i>Hoang</i>				6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
95	11112292	NGUYỄN THỊ ÁI	TRIỀU		<i>Ai</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
96	11112229	HỒ NGUYỄN TRẦN	TRUNG		<i>Tran</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
97	11112231	NGUYỄN CÔNG	TRỰC							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
98	11112237	NGUYỄN VĂN	TÚ		<i>Van</i>				7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
99	11112232	HÀ THANH	TUẤN		<i>Thanh</i>				4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
100	11112293	NGUYỄN ANH	TUẤN		<i>Anh</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
101	11112294	NGUYỄN ANH	TUẤN						7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
102	11112234	NGUYỄN DUY	TUẤN		<i>Duy</i>				3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
103	11112296	HOÀNG VĂN	TÙNG		<i>Van</i>				7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
104	11112295	DƯƠNG THỊ ÁNH	TUYẾT		<i>Anh</i>				5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
105	11112238	BÙI VĂN	TƯ		<i>Van</i>				3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
106	11112239	NGUYỄN THỊ THÚY	UYÊN		<i>Thuy</i>				8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
107	11112243	ĐỖ THẾ	VIỆN		<i>Thi</i>				7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
108	11112246	TRẦN PHAN QUỐC	VIỆT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2011

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Thong
TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Thuy
Cán bộ chấm thi 1&2

